

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM
KHOA LUẬT



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN: VŨ THỊ LINH CHI

Lớp : LKT 13-01 Khóa: 13

TÊN ĐỀ TÀI:
MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP
LUẬT VIỆT NAM

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Diệp

HÀ NỘI 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM

KHOA LUẬT



HỌ VÀ TÊN HỌC VIÊN: VŨ THỊ LINH CHI

Lớp : LKT 13-01 Khóa: 13

TÊN ĐỀ TÀI:

**MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP
LUẬT VIỆT NAM**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

CHUYÊN NGÀNH LUẬT KINH TẾ

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Diệp

Nơi thực hiện đề tài: Hà Nội

Thời gian thực hiện đề tài: 25/2/2023 – 25/5/2023

HÀ NỘI 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn này là công trình nghiên cứu của riêng tôi và những nội dung trong luận văn này là hoàn toàn trung thực.

Những số liệu, bảng biểu phục vụ cho việc phân tích và dẫn dắt đề tài này được thu nhập nguồn tài liệu khác nhau được ghi chú trong mục tài liệu tham khảo hoặc chú thích ngay các bảng biểu.

Ngoài ra, đối với các tài liệu diễn giải để làm rõ thêm các luận điểm đã phân tích và trích phần phụ lục cũng được chú thích nguồn gốc dữ liệu.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin gửi lời cảm ơn đến các Quý Thầy cô Khoa Luật, Trường Đại học Đại Nam đã tạo cơ hội cho được học tập, rèn luyện và tích lũy kiến thức, kỹ năng để thực hiện khóa luận.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn đến Giảng viên hướng dẫn cô Lê Thị Diệp đã tận tình chỉ dẫn, theo dõi và đưa ra những lời khuyên bổ ích giúp em giải quyết được các vấn đề gặp phải trong quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài một cách tốt nhất.

Do kiến thức của bản thân còn hạn chế và thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên nội dung khóa luận khó tránh những thiếu sót. Em rất mong nhận sự góp ý, chỉ dạy thêm từ Quý Thầy cô.

Cuối cùng, em xin chúc Quý Thầy Cô luôn thật nhiều sức khỏe và đạt được nhiều thành công trong công việc.

Trân trọng.

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TCTD	Tổ chức tín dụng
NHTM	Ngân hàng thương mại
BLDS	Bộ luật Dân sự
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
BLTTDS	Bộ Luật Tố tụng Dân sự

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1	Thống kê các vụ mua ngân hàng thương mại
--------	--

Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU	7
1.1. Tính cấp thiết của đề tài:	7
1.2. Tình hình nghiên cứu:	7
1.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:.....	8
1.4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	9
1.5. Phương pháp nghiên cứu:.....	9
1.6. Đóng góp của khóa luận:.....	10
1.7. Bố cục của khóa luận:	11
Chương 1: KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	12
1.1. Khái quát chung về ngân hàng thương mại:	12
<i>1.1.1. Khái niệm về ngân hàng thương mại</i>	<i>12</i>
<i>1.1.2. Khái niệm về hoạt động mua doanh nghiệp:</i>	<i>15</i>
<i>1.1.3. Khái niệm về hoạt động mua ngân hàng thương mại:.....</i>	<i>17</i>
<i>1.1.4. Đặc điểm về mua Ngân hàng thương mại:</i>	<i>18</i>
1.2. Bản chất pháp lý của mua ngân hàng thương mại:	20
1.3. Phương thức thực hiện mua ngân hàng thương mại:	21
1.4. Pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:	22
<i>1.4.1. Đặc điểm của pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:.....</i>	<i>22</i>
<i>1.4.2. Những nội dung điều chỉnh của pháp luật về mua ngân hàng thương mại:</i>	<i>25</i>
<i>1.4.2.1. Xác định tiêu chuẩn, điều kiện mua:</i>	<i>25</i>

1.4.2.2. Xác định trình tự, thủ tục mua ngân hàng thương mại:	26
1.4.2.3. Xác định hệ quả pháp lý khi mua:.....	26
1.4.2.4. Xác định giải quyết tranh chấp khi mua ngân hàng thương mại:	28
TIÊU KẾT CHƯƠNG 1.....	30
Chương 2: THỰC TRẠNG VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM	31
2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:.....	31
2.1.2. Quy định về trình tự, thủ tục mua ngân hàng thương mại:	33
2.1.3. Quy định về hệ quả pháp lý khi mua ngân hàng thương mại:	35
2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp khi mua ngân hàng thương mại	39
2.1.5. Đánh giá quy định pháp luật về mua ngân hàng thương mại:	42
2.2. Thực tiễn thực hiện việc mua ngân hàng thương mại:.....	46
2.2.1. Một số trường hợp thực hiện mua ngân hàng thương mại:.....	47
2.2.1.1. Trường hợp NHNN mua lại bắt buộc VNCB:	49
2.2.1.2. Trường hợp UOB mua lại Citigroup tại Việt Nam:	51
2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện mua ngân hàng thương mại:.....	53
TIÊU KẾT CHƯƠNG 2.....	55
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	56
3.1. Phương hướng chung hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại: ..	56
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam:57	
3.2.1. Sửa đổi các quy định về mua ngân hàng thương mại trong một số văn bản luật:	57
3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung hình thức pháp lý về hoạt động mua để thống nhất giữa các luật điều chỉnh:	57
3.2.1.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục, hệ quả pháp lý và giải quyết tranh chấp khi thực hiện mua:	58

<i>3.2.1.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ sở pháp lý cho việc Nhà nước được quyền mua lại bắt buộc NHTM yếu kém:</i>	59
<i>3.2.2. Hoàn thiện Thông tư điều chỉnh hoạt động mua lại, sáp nhập Tổ chức tín dụng:</i>	60
<i>3.2.3. Quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng thương mại trong nước, đặc biệt khi xử lý ngân hàng thương mại yếu kém phục vụ mục tiêu tái cơ cấu ngân hàng:</i>	62
<i>3.2.4. Quy định chặt chẽ về công bố thông tin khi mua ngân hàng thương mại: ...</i>	63
TIÊU KẾT CHƯƠNG 3.....	65
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	68

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Trong thời gian gần đây, hệ thống các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam đã lớn mạnh vượt bậc, tăng trưởng nhanh về số lượng cũng như chất lượng, mở rộng mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, tạo tiền đề vững chắc cho Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, đồng thời đóng góp to lớn cho quá trình tăng trưởng kinh tế đất nước. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công khi hội nhập, các NHTM Việt Nam đã bộc lộ một số bất cập, yếu kém như vốn điều lệ và tính thanh khoản thấp, tỷ lệ nợ xấu gia tăng, trình độ quản trị còn yếu, nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế... Thực trạng này đặt ra vấn đề cấp bách là phải tái cấu trúc hệ thống các NHTM. Khi yêu cầu tái cấu trúc đặt ra, quá trình mua lại doanh nghiệp thành công sẽ giúp các doanh nghiệp nâng cao sức mạnh toàn diện, lợi thế cạnh tranh, đồng thời thúc đẩy quá trình tái cơ cấu nền kinh tế.

Pháp luật về mua doanh nghiệp nói chung và đối với NHTM ở Việt Nam đã được hình thành trong thời gian gần đây, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật, giải quyết được một số mục tiêu, yêu cầu cụ thể của nền kinh tế và hệ thống ngân hàng nhưng còn có những hạn chế và bất cập. Khung pháp lý về mua NHTM còn sơ khai, chồng chéo và mâu thuẫn, còn có những khoảng trống pháp lý để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn khi thực hiện mua NHTM và chưa tạo được cơ sở pháp lý vững chắc để thúc đẩy hoạt động này. Trên thực tế có nhiều bất cập khi thực hiện mua NHTM thời gian qua, trong đó nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế pháp lý cần phải giải quyết.

Từ mục tiêu nghiên cứu, phân tích thực trạng hoạt động mua NHTM để phát hiện những khó khăn mà các NHTM phải đối mặt, khóa luận đưa ra một số giải pháp khắc phục nhằm hoàn thiện hơn hoạt động mua NHTM tại Việt Nam.

2. Tình hình nghiên cứu:

Có nhiều nghiên cứu trong nước được thực hiện thời gian qua đã tập trung phân tích, phản ánh về mua lại, sáp nhập; pháp luật về mua lại, sáp nhập doanh nghiệp, NHTM và các nghiên cứu có liên quan đến đề tài khóa luận. Có thể kể đến

một số nghiên cứu như: Luận án tiến sĩ kinh tế “*Sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam*” của Phan Diên Vỹ, năm 2013; luật án tiến sĩ luật học “*Pháp luật mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam*” của Trần Thị Bảo Ánh, năm 2014... Bên cạnh các nghiên cứu trên, một số đề tài nghiên cứu khoa học nghiên cứu trong lĩnh vực này như: Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ “*Hoạt động sáp nhập và mua lại: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị chính sách cho Việt Nam*” do ThS.Lưu Minh Đức làm chủ nhiệm, năm 2009; đề tài nghiên cứu khoa học cấp Học viện “*Pháp luật về hợp nhất, sáp nhập ngân hàng thương mại ở Việt Nam*” của Học viện Tài chính, năm 2014...

Các công trình nêu trên đã phân tích và cung cấp thông tin về cơ sở lý luận mua lại, sáp nhập và pháp luật về mua lại, sáp nhập đối với doanh nghiệp, công ty tài chính, ngân hàng; phân tích, phản ánh tình hình hoạt động mua lại, sáp nhập doanh nghiệp và NHTM của một số quốc gia và Việt Nam; phân tích và luận giải khung pháp lý, thực trạng pháp luật đối với doanh nghiệp, ngân hàng nói chung và về mua lại, sáp nhập đối với doanh nghiệp, NHTM nói riêng. Các nghiên cứu cũng phân tích và đề cập đến hoạt động tập trung kinh tế tại Việt Nam, kinh nghiệm quốc tế về kiểm soát tập trung kinh tế, về thị trường chứng khoán; đưa ra quan điểm, phương hướng và đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên hiện tại chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện về pháp luật mua NHTM ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ và sâu sắc hơn cơ sở lý luận, giúp đánh giá đúng đắn thực trạng pháp luật, thực tiễn thực hiện pháp luật về mua NHTM, từ đó đề xuất phương hướng và các giải pháp cụ thể để hoàn thiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam hiện nay, góp phần thực hiện quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu: là pháp luật về mua Ngân hàng thương mại và hoạt động mua Ngân hàng thương mại.

- Phạm vi nghiên cứu: điều chỉnh pháp lý về mua NHTM, khi mua NHTM, ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật chuyên ngành trong quá trình mua, các bên trong quan hệ mua còn phải tuân thủ các quy định của pháp luật về dân sự, doanh nghiệp, đầu tư, tài chính, chứng khoán... bên cạnh đó là các vấn đề như thương hiệu, giải quyết lao động, nghĩa vụ thuế, đăng ký kinh doanh, đăng ký quyền sở hữu tài sản, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi mua. Trên cơ sở những đặc thù riêng của NHTM và hoạt động mua NHTM so với các loại hình doanh nghiệp khác, khóa luận tập trung nghiên cứu pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam trên các phương diện về tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả sau khi mua và giải quyết tranh chấp khi mua NHTM. Các vấn đề này là nội dung điều chỉnh chủ yếu của pháp luật về mua NHTM.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- Mục đích của khóa luận: Hoàn thiện một số quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động mua NHTM và đưa ra phương hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam.

- Nhiệm vụ nghiên cứu của khóa luận:

+ Nghiên cứu, phân tích, làm rõ và sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận cơ bản về mua NHTM và pháp luật về mua NHTM; xây dựng khung pháp lý điều chỉnh hoạt động NHTM.

+ Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng pháp luật về mua doanh nghiệp nói chung và trong lĩnh vực NHTM; thực tiễn thực hiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam góp phần tạo luận cứ khoa học cho việc hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực này.

+ Đưa ra phương hướng và các giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam hiện nay.

5. Phương pháp nghiên cứu:

Pháp luật về mua NHTM liên quan đến nhiều ngành khoa học, nhiều ngành luật khác nhau. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu khóa luận sử dụng phương pháp

tiếp cận đa ngành và liên ngành. Để giải quyết tốt các nội dung của nghiên cứu, khóa luận sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể:

- Phương pháp hệ thống hóa, tổng hợp, phân tích, thống kê: Thông qua phương pháp này, các thông tin đơn lẻ sẽ được tổng hợp, hệ thống hóa và xâu chuỗi thành các nhóm vấn đề, được phân tích, khái quát hóa thành các luận điểm về tình hình nghiên cứu, xây dựng khung lý thuyết, đánh giá thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật.

- Phương pháp nghiên cứu trong trường hợp: Thông qua nghiên cứu một số trường hợp NHTM đã thực hiện việc mua để góp phần đánh giá thực trạng pháp luật, thực tiễn để thực hiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam.

Ngoài ra, phương pháp luận trong quá trình nghiên cứu đề tài khóa luận được thực hiện trên cơ sở phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, các quan điểm của Đảng về công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của nhà nước theo yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền.

6. Đóng góp của khóa luận:

- Khóa luận khẳng định pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Luật các tổ chức tín dụng là luật chuyên ngành điều chỉnh trực tiếp đến việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại NHTM, đồng thời được đặt trong mối quan hệ với các luật khác khi giải quyết các vấn đề liên quan đến việc mua NHTM. Vì vậy để hoàn thiện pháp luật, đồng thời nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại NHTM nói chung và việc mua NHTM nói riêng cần phải hoàn thiện đồng bộ các đạo luật này chứ không chỉ hoàn thiện riêng Luật các TCTD.

- Khóa luận chỉ rõ pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam hiện nay có những tồn tại, hạn chế, nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến mua NHTM, nhất là trong trường hợp bắt buộc còn chưa có quy định cụ thể hoặc còn thiếu như tiêu chuẩn, điều kiện mua lại; trình tự, thủ tục mua NHTM; hệ quả pháp lý khi mua và giải quyết tranh chấp khi mua NHTM. Ngoài ra còn thiếu hay cần bổ sung, sửa đổi

những quy định như quyền, nghĩa vụ của các ngân hàng bị mua lại; quyền lợi của khách hàng (người gửi tiền); quyền lợi của người lao động; thực hiện lãi suất tiền gửi, lãi suất, phí cấp tín dụng; hợp đồng mua NHTM; thực hiện tiếp tục hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn. Thực tế đã phát sinh những vấn đề pháp lý liên quan đến sự can thiệp của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vào ngân hàng yếu kém như việc chuyển sở hữu tư nhân thành sở hữu nhà nước ở một số ngân hàng yếu kém; cổ đông không đồng ý có sự can thiệp của NHNN vào cơ cấu sở hữu khi thực hiện mua NHTM cần được giải quyết.

- Khóa luận kiến nghị thống nhất hình thức pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp được quy định trong các văn bản pháp luật. Bổ sung mua lại là một trong những hình thức pháp lý tổ chức lại doanh nghiệp trong Luật doanh nghiệp để phù hợp với quy định của Luật Cạnh tranh. Luật các TCTD quy định cụ thể việc mua NHTM, thay vì quy định chung là tổ chức lại TCTD dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý. Luật các TCTD và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành cần bổ sung các quy định khi thực hiện mua NHTM về: tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả pháp lý khi mua NHTM và giải quyết tranh chấp khi mua NHTM.

7. Bố cục của khóa luận:

Chương 1: Khái quát chung về mua Ngân hàng thương mại

Chương 2: Thực trạng về mua Ngân hàng thương mại theo quy định pháp luật Việt Nam.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua Ngân hàng thương mại ở Việt Nam

CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Khái quát chung về ngân hàng thương mại:

1.1.1. Khái niệm về ngân hàng thương mại

NHTM được biết đến như một định chế tài chính mà đặc trưng là cung cấp đa dạng dịch vụ tài chính, với nghiệp vụ cơ bản là nhận tiền gửi, cho vay và cung ứng các dịch vụ thanh toán, ngoài ra còn có nhiều dịch vụ khác nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu về sản phẩm dịch vụ của xã hội. Trong nghiên cứu của mình, Peter.S.Rose (2000) định nghĩa: “*Ngân hàng là loại hình tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất – đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm và dịch vụ thanh toán – và thực hiện nhiều chức năng tài chính nhất so với bất kỳ một tổ chức kinh doanh nào trong nền kinh tế*”. Theo Ngân hàng thế giới, ngân hàng là tổ chức tài chính nhận tiền gửi chủ yếu dưới dạng không kỳ hạn hoặc tiền gửi được rút ra với một thông báo ngắn hạn (tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn và các khoản tiết kiệm). Luật các TCTD Việt Nam năm 2010 quy định NHTM là loại hình ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận. Hoạt động ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

Từ những quan niệm trên, NHTM được hiểu một cách khái quát như sau: *Ngân hàng thương mại là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, được thực hiện tất cả các hoạt động ngân hàng với nghiệp vụ thường xuyên là nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản cho khách hàng nhằm mục tiêu lợi nhuận.*

Ngân hàng thương mại là một loại hình doanh nghiệp đặc biệt với một số đặc điểm rõ nét để nhận diện. Những đặc điểm của NHTM đó là:

Thứ nhất, hoạt động ngân hàng có những đặc thù mà các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường không có, đó là được nhận tiền gửi, cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng cho khách hàng. Những hoạt động ngân hàng, trực tiếp hoặc gián tiếp, đều liên quan

đến tiền tệ, điều này làm cho hoạt động ngân hàng không giống với những hoạt động kinh doanh khác.

Thứ hai, khác với doanh nghiệp thông thường, hoạt động của NHTM được kiểm soát nghiêm ngặt và các quốc gia đều xây dựng cơ sở pháp lý chặt chẽ để các chủ thể ngân hàng, các bên liên quan có cơ sở pháp lý thực hiện hoạt động ngân hàng và buộc phải thực hiện trong khung pháp lý đó, đồng thời để nhà nước có cơ sở can thiệp đối với NHTM nhằm không xảy ra đổ vỡ, mất an toàn hệ thống. Các doanh nghiệp thông thường có thể phá sản nhưng chỉ một ngân hàng đổ vỡ thì hậu quả sẽ rất nặng nề, có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của quốc gia mà trực tiếp là đến quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền và các bên có liên quan. Do những hậu quả to lớn như vậy, nhiều quốc gia thậm chí còn không cho phép NHTM được sụp đổ. Việc kiểm soát khắt khe hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như thiết lập một khung pháp lý chặt chẽ cho hoạt động ngân hàng do với doanh nghiệp thông thường chủ yếu để bảo vệ lợi ích của toàn xã hội, trong đó có quyền lợi của người gửi tiền.

Thứ ba, hoạt động ngân hàng được yêu cầu phải liên tục, ổn định cao nhất so với các loại hình doanh nghiệp khác. Hàng ngày hoạt động NHTM liên quan đến rất nhiều khách hàng, vì thế việc ngân hàng gián đoạn hoạt động kinh doanh mà không công bố thông tin kịp thời theo quy định đều dẫn đến việc khách hàng lầm tưởng hoạt động ngân hàng đang có vấn đề, gây tâm lý tiêu cực đối với khách hàng và có thể mang lại những rủi ro to lớn cho ngân hàng và cả nền kinh tế. Trong mọi trường hợp trừ nguyên nhân bất khả kháng, ngân hàng không được tự ý ngừng hoạt động kinh doanh nếu không công bố thông tin theo quy định hoặc ngừng hoạt động kinh doanh quá thời gian quy định.

Thứ tư, hoạt động kinh doanh của NHTM tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao hơn so với các loại hình kinh doanh khác. Với quyền nhận tiền gửi không hạn chế về số lượng, ngân hàng luôn trong trạng thái vừa là chủ nợ, vừa có nghĩa vụ trả nợ, do đó sẽ phải chịu áp lực lớn từ khả năng rút tiền hàng loạt của người gửi tiền. Người gửi tiền được pháp luật bảo vệ bằng quyền rút tiền bất cứ lúc nào miễn là trong thời

gian giao dịch, trong khi ngân hàng không được đòi nợ trước hạn mà không có lý do chính đáng. Nếu xảy ra tình trạng tiền hàng loạt của người gửi tiền tại một thời điểm nhất định sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng thanh toán của ngân hàng. Bên cạnh đó, rủi ro trong hoạt động ngân hàng còn xuất phát từ rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất và nhiều nguyên nhân khác.

Thứ năm, các chủ thể hoạt động ngân hàng phải đáp ứng các điều kiện nghiêm ngặt về vốn, an toàn vốn, cơ sở vật chất, hệ thống thông tin, bảo mật, chuyên môn nghiệp vụ...Chỉ khi nào NHTM thỏa mãn đầy đủ những điều kiện nghiêm ngặt do pháp luật quy định thì mới được cơ quan quản lý ngân hàng cho phép hoạt động trên thị trường. Khi một ngân hàng muốn mở rộng hoạt động như sáp nhập với một ngân hàng mới, thiết lập văn phòng chi nhánh đều phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý ngân hàng.

Thứ sáu, sự tồn tại của NHTM phụ thuộc lớn vào sự tin tưởng của khách hàng và khách hàng là điều kiện tiên quyết để ngân hàng tồn tại, phát triển. Trong lĩnh vực ngân hàng, do ngân hàng cần vốn lớn trong khi vốn chủ sở hữu ngân hàng thường chỉ đáp ứng được một phần vốn để cấp tín dụng và thực hiện các hoạt động ngân hàng khác. Để ngân hàng thực hiện được hoạt động kinh doanh thì việc huy động vốn của người gửi tiền đóng vai trò quan trọng trong hoạt động ngân hàng, vì thế ngân hàng mới có thể sử dụng nguồn vốn huy động này để cấp tín dụng, thực hiện các hoạt động ngân hàng nhằm tạo ra lợi nhuận. Khách hàng là những người cung cấp đầu vào cho NHTM và họ cũng chính là người sử dụng sản phẩm đầu ra của ngân hàng

Thứ bảy, các NHTM chịu sự ảnh hưởng dây chuyền với nhau. Trong hoạt động ngân hàng, các ngân hàng có thể huy động nguồn vốn từ người gửi tiền hoặc vay từ Ngân hàng Trung ương, các NHTM khác để kinh doanh hoặc đáp ứng yêu cầu thanh khoản, các ngân hàng cũng có thể sử dụng nguồn vốn của mình để đầu tư tại một ngân hàng khác, sử dụng dịch vụ của ngân hàng khác...Tuy nhiên, kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng đối diện với rất nhiều nguy cơ rủi ro cao. Chính vì

thể, khi một NHTM gặp khó khăn trong kinh doanh, có nguy cơ đổ vỡ sẽ các tác động dây chuyền đến các NHTM khác.

Thứ tám, hoạt động ngân hàng có tính hợp tác và quốc tế sâu rộng. Các hoạt động ngân hàng không thể giới hạn trong phạm vi hẹp mà phải đáp ứng được yêu cầu của khách hàng và chính bản thân ngân hàng. Kinh doanh trong hệ thống NHTM chịu sự chi phối của nhiều yếu tố trong nước và quốc tế như tập quán kinh doanh, môi trường pháp luật của các nước, các thông lệ quốc tế do hoạt động của các NHTM liên quan đến lưu chuyển tiền tệ, không chỉ trong phạm vi một nước, mà có liên quan đến nhiều nước để hỗ trợ cho các hoạt động kinh tế đối ngoại...

1.1.2. Khái niệm về hoạt động mua doanh nghiệp:

Luật cạnh tranh quy định mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hay một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại. Dù được định nghĩa và tiếp cận khác nhau nhưng điểm chung trong quan niệm về mua lại doanh nghiệp là quyền sở hữu tài sản, các lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ cùng hệ quả pháp lý của việc mua lại doanh nghiệp. Từ đây, quan niệm về mua lại doanh nghiệp có thể hiểu như sau:

Mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp khác đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại. Bên mua lại có quyền sở hữu toàn bộ hoặc một phần doanh nghiệp và kiểm soát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được mua lại, đồng thời kế thừa các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp tương ứng với việc mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của doanh nghiệp bị mua lại

**) Đặc điểm của mua doanh nghiệp:*

Mặc dù chưa có một khái niệm thống nhất về hoạt động mua doanh nghiệp nhưng từ các khái niệm nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy được sự đa dạng trong nhận thức và quan niệm của giới học thuật, luật gia và doanh nghiệp về mua. Nhìn chung mua doanh nghiệp có một số đặc điểm như sau:

Một là, đối tượng của hoạt động mua là tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp mục tiêu

Mục tiêu của hoạt động mua nhằm kiểm soát, chi phối doanh nghiệp. Thông qua việc mua, tiếp nhận tài sản của doanh nghiệp sẽ phát sinh nhiều quan hệ xã hội gắn với doanh nghiệp. Vì vậy, quyền sở hữu tài sản luôn gắn với các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp mục tiêu để trở thành đối tượng mua.

Hai là, thực hiện hoạt động mua theo nguyên tắc tự nguyện, đáp ứng quyền tự do kinh doanh của các chủ thể

Trong quan hệ mua doanh nghiệp, các bên tự nguyện thực hiện mua nhằm đáp ứng quyền tự do kinh doanh của các chủ thể theo quy định. Doanh nghiệp có quyền kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, trong khi mua là một trong những phương thức mà các chủ thể thực hiện khi đầu tư, kinh doanh, thể hiện ý chí của các bên về quyền tự do kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường, việc thừa nhận và đảm bảo quyền tự do kinh doanh là cơ sở hình thành môi trường cạnh tranh cho từng lĩnh vực kinh tế cụ thể hoặc cho toàn bộ nền kinh tế. Bất kỳ yếu tố nào làm hạn chế quyền tự do kinh doanh đều có thể là nguyên nhân tạo nên những khiếm khuyết về cạnh tranh cho thị trường. Tuy nhiên, quyền tự do kinh doanh nói chung và thực hiện mua doanh nghiệp nói riêng phải theo quy định của pháp luật.

Ba là, tiêu chuẩn, điều kiện mua được đặt ra đối với một số loại hình doanh nghiệp.

Tùy theo tính chất và loại hình doanh nghiệp cụ thể mà việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại doanh nghiệp có những quy định riêng biệt. Thông thường, các doanh nghiệp có mức độ ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế, xã hội, sức khỏe của cộng đồng thì quy định về việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại doanh nghiệp sẽ có những điều kiện cụ thể và chặt chẽ hơn các doanh nghiệp khác. Chính vì vậy, khi thực hiện mua thì tiêu chuẩn, điều kiện có thể được đặt ra với một số loại hình doanh nghiệp cụ thể. Các bên trong quan hệ

mua lại phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện này mới được cơ quan quản lý có thẩm quyền cho phép thực hiện.

Bốn là, khi thực hiện mua phải tuân theo những trình tự, thủ tục nhất định

Trình tự, thủ tục mua là một trong những nội dung quan trọng của điều kiện khung pháp lý về mua lại doanh nghiệp. Khi thực hiện mua, các bên trong quan hệ mua phải tuân theo những trình tự, thủ tục nhất định và trong một số trường hợp phải được sự cho phép, thừa nhận, kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Khi thực hiện mua, các bên phải tiến hành những thủ tục theo quy định của pháp luật cạnh tranh về hành vi tập trung kinh tế, về đăng ký kinh doanh; thay đổi quyền sở hữu tài sản và các thay đổi khác. Trên cơ sở thực hiện các yêu cầu về trình tự, thủ tục, cơ quan nhà nước có thẩm quyền sẽ cho phép, thừa nhận hay kiểm soát các thương vụ mua theo quy định của pháp luật.

Năm là, phát sinh những hệ quả pháp lý khi thực hiện mua:

Khi thực hiện mua một phần hay toàn bộ tài sản sản của doanh nghiệp khác, hệ quả pháp lý của hoạt động mua là khác nhau; doanh nghiệp bị mua lại có thể trở thành hay không là công ty trực thuộc của doanh nghiệp mua. Tùy theo việc trở thành hay không là công ty trực thuộc doanh nghiệp mua sẽ kế thừa một phần hay toàn bộ quyền, lợi ích và nghĩa vụ pháp lý của doanh nghiệp bị mua. Doanh nghiệp bị mua không trở thành công ty trực thuộc của doanh nghiệp mua nếu chỉ mua một phần hoặc có thể nhập thành doanh nghiệp con hay vẫn để doanh nghiệp đó tồn tại độc lập khi mua toàn bộ.

1.1.3. Khái niệm về hoạt động mua ngân hàng thương mại:

Từ những quan niệm về mua doanh nghiệp và từ thực tế mua hoạt động mua NHTM, ***mua NHTM có thể được hiểu*** là NHTM mua toàn bộ hoặc một phần cổ phần hay tài sản và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của NHTM đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hay một ngành nghề của NHTM bị mua.

Trên thế giới, hoạt động ngân hàng là một trong những lĩnh vực được kiểm soát chặt chẽ nhất, không ai có thể tự ý thành lập hay đóng cửa một ngân hàng mà

không được sự chấp thuận của cơ quan quản lý ngân hàng. Ở Mỹ, tài sản do ngân hàng Mỹ nắm giữ chiếm khoảng 1/3 tổng tài sản của tất cả các tổ chức tài chính đóng trụ sở tại đây. Với những lý do này và hơn thế nữa, ngân hàng là một trong những tổ chức trung gian tài chính quan trọng nhất của xã hội. Chính bởi những đặc điểm của NHTM và vai trò quan trọng của nó trong nền kinh tế đã tạo nên sự cần thiết phải điều chỉnh bằng pháp luật một cách khác biệt hơn so với các loại hình doanh nghiệp thông thường.

Các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình thực hiện mua NHTM thường rất đa dạng và phức tạp, có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của nhà nước, cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan. Không giống như mua lại, sáp nhập nói chung, điều chỉnh bằng pháp luật đối với hoạt động mua NHTM xuất phát từ NHTM có vai trò quan trọng đặc biệt đối với nền kinh tế, hoạt động ngân hàng tiềm ẩn rủi ro rất cao, có ảnh hưởng sâu rộng đến tình hình kinh tế, xã hội của mỗi quốc gia. Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình mua NHTM để đảm bảo rằng những giao dịch mua NHTM được diễn ra trên thực tế và an toàn; đáp ứng quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; cơ quan quản lý ngân hàng, các ngân hàng có cơ sở pháp lý khi thực hiện mua NHTM và buộc phải thực hiện trong khung pháp lý đó, kể cả khi có sự can thiệp của nhà nước đối với các ngân hàng yếu kém cũng phải mang tính khách quan, bình đẳng và minh bạch, vì lợi ích chung của nền kinh tế. Ngoài ra pháp luật về mua NHTM cần thiết để kiểm soát hành vi tập trung kinh tế có vị trí thống lĩnh thị trường, nhất là trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; giúp các ngân hàng không bị thôn tóm trong quá trình kinh doanh, hội nhập; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, người lao động và các bên trong quan hệ mua.

1.1.4. Đặc điểm về mua Ngân hàng thương mại:

Hoạt động mua NHTM có những đặc điểm cơ bản, chi phối đến pháp luật điều chỉnh về mua NHTM. Những đặc điểm cơ bản của hoạt động mua NHTM được xác định như sau:

Một là, NHTM thực hiện mua với tư cách là bên mua với NHTM khác, các doanh nghiệp khác trừ ngân hàng không được mua với chủ thể kia là ngân hàng. Hoạt động ngân hàng có nhiều đặc thù nên điều kiện thành lập, hoạt động ngân hàng rất khắt khe và đều phải có sự cho phép của cơ quan quản lý ngân hàng mới được phép thực hiện. Vì thế các chủ thể sở hữu doanh nghiệp thông thường có thể mở rộng sản xuất thông qua việc mua lại, hợp nhất, sáp nhập nhưng không được thực hiện trong lĩnh vực ngân hàng.

Hai là, khi mua NHTM trong tất cả các giai đoạn trước, trong và sau khi thực hiện đều phải đáp ứng hoạt động ngân hàng liên tục, ổn định, không ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền và quyền, nghĩa vụ của các bên có liên quan. Hoạt động ngân hàng liên quan đến rất nhiều khách hàng, đặc biệt nhạy cảm, có tác động lớn đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội nếu xảy ra bất ổn, đổ vỡ ngân hàng. Với đặc thù của hoạt động NHTM không cho phép khi mua làm ngưng trệ hoạt động ngân hàng trong bất cứ tình huống nào, trừ trường hợp được pháp luật quy định.

Ba là, trình tự, thủ tục khi thực hiện mua NHTM phức tạp hơn so với các loại doanh nghiệp khác. Các bên phải đáp ứng các yêu cầu về trình tự, thủ tục, hồ sơ chặt chẽ trong quá trình thực hiện mua. Các yêu cầu này cũng xuất phát từ việc NHTM là một doanh nghiệp đặc biệt, hoạt động kinh doanh liên quan đến tiền tệ, đến nhiều khách hàng nên phải hết sức cẩn trọng khi thực hiện các công đoạn trong quá trình mua.

Bốn là, khi thực hiện mua NHTM trước tiên phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, sau đó mới tính đến quyền lợi của bên thứ ba và quyền lợi của nhà nước. Do hoạt động NHTM liên quan trực tiếp đến tiền tệ, tình hình trật tự, an toàn xã hội, đến người gửi tiền là các tổ chức, cá nhân cũng như niềm tin nhà đầu tư, của người dân đối với nhà nước, vì vậy bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền khi mua NHTM luôn là vấn đề cần ưu tiên giải quyết khi thực hiện mua.

Năm là, thời điểm chuyển giao quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp giữa các bên khi thực hiện mua NHTM có ý nghĩa quan trọng. Thời điểm này là ngày mua có hiệu lực trong văn bản chấp thuận mua lại của cơ quan quản lý ngân hàng. Tại thời điểm này, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các bên thực hiện mua NHTM được chuyển giao, buộc các bên phải thực hiện dưới sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý ngân hàng, đồng thời hệ quả pháp lý khi thực hiện mua NHTM phát sinh từ thời điểm này.

1.2. Bản chất pháp lý của mua ngân hàng thương mại:

Về bản chất mua NHTM, theo lý thuyết về tài chính thì mua NHTM là một giao dịch tài chính dẫn đến việc một ngân hàng này mua với một hay một vài ngân hàng khác. NHTM bị mua sẽ chuyển quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần hay tài sản cho NHTM nhận mua, phát sinh quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp giữa các bên và NHTM mua có quyền kiểm soát hoạt động của NHTM bị mua.

Khi thực hiện mua NHTM, hợp đồng mua là văn bản pháp lý quan trọng do các bên ký kết sẽ: (1) Xác lập quyền sở hữu đối với bên mua; (2) Chấm dứt quyền sở hữu đối với bên bị mua; (3) Phát sinh quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp giữa các bên theo quy định của pháp luật thông qua việc chuyển toàn bộ hay một phần cổ phần hay tài sản và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của bên bị mua sang bên nhận mua. Nói cách khác, thông qua hợp đồng mua NHTM là việc chuyển đổi quyền sở hữu toàn bộ hoặc một phần cổ phần hay tài sản và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của bên bị mua sang bên nhận mua.

Trách nhiệm pháp lý về tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của bên bị mua sẽ được bên mua thực hiện kể từ thời điểm chuyển quyền sở hữu là ngày mua có hiệu lực được xác định trong văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý ngân hàng. Đối với việc chuyển đổi quyền sở hữu giữa các bên tham gia mua, căn cứ chính trong việc xác lập quyền sở hữu đối với bên mua được xác định là hoạt động kinh doanh hợp pháp; được chuyển giao thông qua các hợp đồng có hiệu lực, hợp pháp hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Đối với bên bị

mua, căn cứ chính trong việc chấm dứt quyền sở hữu là việc chủ sở hữu quyền sở hữu của mình cho người khác; chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình.

Qua những phân tích trên đây, có thể nhận thấy bản chất pháp lý khi mua NHTM chính là việc giành quyền kiểm soát NHTM thông qua các hoạt động đầu tư, tổ chức lại NHTM; việc chuyển giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp giữa các bên, đồng thời xác định tư cách pháp lý của các bên sau khi thực hiện mua NHTM.

1.3. Phương thức thực hiện mua ngân hàng thương mại:

Tùy thuộc vào mục tiêu, cấu trúc sở hữu, đặc điểm quản trị, văn hóa công ty sẽ có cách thức thực hiện mua NHTM chủ yếu như sau:

- Phương thức thương lượng: Khi các bên tham gia mua NHTM nhận thấy sẽ đạt được lợi ích chung thì phương thức thương lượng có thể được sử dụng, ban lãnh đạo của các bên sẽ ngồi lại với nhau để thực hiện đàm phán.

- Phương thức thu gom cổ phiếu: Một NHTM có ý định thu tóm một NHTM khác sẽ thu gom dần cổ phiếu của NHTM mục tiêu thông qua các giao dịch trên thị trường chứng khoán, hoặc NHTM sẽ đàm phán để mua lại của các cổ đông chiến lược.

- Phương thức chào mua công khai cổ phiếu trên thị trường chứng khoán: Khi một NHTM hay nhà đầu tư muốn mua lại NHTM mục tiêu thì họ sẽ chính thức làm giá để mua lại cổ phiếu của NHTM đó. Thông thường mức giá chào mua sẽ cao hơn giá thị trường tại thời điểm đàm phán và giao dịch.

- Phương thức lôi kéo cổ đông bất mãn: Đây là phương thức để thu tóm NHTM với hình thức không tự nguyện. Sử dụng phương thức này nhằm lôi kéo cổ đông bất mãn để tập hợp cổ đông đủ điều kiện tổ chức đại hội cổ đông theo quy định, nắm giữ quyền kiểm soát nhằm thay thế một số vị trí chủ chốt trong ban lãnh đạo cũ hoặc có thể trực tiếp tham gia hội đồng quản trị, ban điều hành NHTM.

- Phương thức mua lại tài sản: Mua lại tài sản khi NHTM thông qua một tổ chức độc lập hoặc dựa vào việc NHTM tự định giá theo phương thức riêng của

mình để tiến hành thẩm định giá trị tài sản cần mua. Bên mua lại có thể mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của NHTM bán. Phần bán đi có thể là tài sản hữu hình hoặc vô hình được tách ra khỏi doanh nghiệp bán.

1.4. Pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:

1.4.1. Đặc điểm của pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:

Việc tìm ra những đặc điểm của pháp luật về mua NHTM sẽ giúp xác định đúng những nội dung điều chỉnh chủ yếu của pháp luật trong lĩnh vực này. Những đặc điểm chính của pháp luật về mua NHTM được xác định như sau:

Một là, ngân hàng là một loại hình doanh nghiệp, vì vậy hoạt động mua NHTM được điều chỉnh bằng cả hệ thống luật chung và luật chuyên ngành về ngân hàng. Khi xem xét hành vi mua dưới mỗi góc độ khác nhau thì hoạt động này chịu sự điều chỉnh của pháp luật phù hợp với quan hệ xã hội cần điều chỉnh. Pháp luật về mua NHTM xác định mối liên hệ chặt chẽ giữa pháp luật chuyên ngành với pháp luật về doanh nghiệp, cạnh tranh, đầu tư, sở hữu trí tuệ, lao động, bảo hiểm tiền gửi... Trong hệ thống pháp luật, hoạt động mua được điều chỉnh bởi hai nhóm quy định chính: Quy định về thủ tục (quy trình thủ tục, hồ sơ giấy tờ, thẩm quyền giải quyết) và quy định về nội dung (các điều kiện, hạn chế, các nghiệp vụ trong việc tiến hành giao dịch mua) ở trong nhiều văn bản.

Hai là, việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại ngân hàng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật về ngân hàng. Khi thực hiện mua NHTM, ngoài việc sử dụng khung pháp lý như các doanh nghiệp thông thường nhưng cần có những điều chỉnh riêng đối với loại hình này. Về nguyên tắc, trong trường hợp có quy định khác nhau giữa pháp luật về ngân hàng và pháp luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể NHTM thì áp dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng. Trong trường hợp pháp luật ngân hàng không quy định thì áp dụng các quy định của pháp luật doanh nghiệp phù hợp với bản chất quan hệ của pháp luật cần điều chỉnh.

Ba là, pháp luật chỉ cho phép NHTM được tiến hành mua đối với TCTD mà không cho phép TCTD hay các doanh nghiệp mua với NHTM. Điều này xuất phát

từ việc NHTM là loại hình doanh nghiệp duy nhất có quyền thực hiện tất cả hoạt động ngân hàng, trong khi các loại hình của TCTD khác chỉ có thể được phép thực hiện một, một số hoặc tất cả hoạt động ngân hàng. Ngoài ra, không một tổ chức, cá nhân nào ngoài loại hình TCTD được phép tiến hành hoạt động ngân hàng.

Bốn là, để thực hiện mua NHTM cần phải tuân theo những tiêu chuẩn, điều kiện chặt chẽ hơn so với các doanh nghiệp khác. Các tiêu chuẩn, điều kiện mua NHTM đặt ra đối với nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, điều kiện NHTM trong nước bán cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài. Rào cản pháp lý đối với việc thành lập mới ngân hàng là rất cao. Cũng chính vì thế mà các tiêu chuẩn, điều kiện đặt ra khi thực hiện mua NHTM cũng khắt khe hơn để đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, chống thâm tóm, chống tập trung kinh tế, không tạo ra sự độc quyền và giảm thiểu các rủi ro khi thực hiện mua. Khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện này thì cơ quan có thẩm quyền mới cho phép thực hiện mua.

Năm là, trình tự, thủ tục mua NHTM phải tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật, nhất là các yêu cầu về hồ sơ mua. So với trình tự, thủ tục áp dụng cho doanh nghiệp thì trình tự, thủ tục mua NHTM có mức độ phức tạp cao hơn. Việc xác định, thẩm định giá trị của ngân hàng cũng rất phức tạp nên cần tuân theo những quy trình, cách thức riêng để phù hợp tính đặc thù của NHTM. Pháp luật về mua NHTM quy định bắt buộc phải có sự chấp nhận bằng văn bản của cơ quan quản lý ngân hàng ở trước, trong và sau khi thực hiện mua nhằm kiểm soát chặt chẽ các thủ tục. Chủ sở hữu ngân hàng không được quyền quyết định việc mua nếu không được sự chấp thuận rõ ràng bằng văn bản từ cơ quan quản lý ngân hàng.

Sáu là, quy định về thời điểm chuyển giao tài sản và thực hiện quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp giữa các bên khi thực hiện mua NHTM có ý nghĩa rất quan trọng. Thời điểm này không chỉ có ý nghĩa đối với các bên tham gia mua NHTM mà còn có ý nghĩa quan trọng đối với các cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông và người gửi tiền khi họ đóng vai trò chủ sở hữu, khách hàng của ngân hàng của cả bên mua và bên bị mua. Thời điểm này đặt ra yêu cầu pháp luật

cần quy định cụ thể một số vấn đề như cổ đông có thể tiếp tục thực hiện quyền chủ sở hữu ngân hàng, người gửi tiền tiếp tục thực hiện quan hệ tiền gửi trên cơ sở quy định về lãi suất, thời hạn và các dịch vụ đang sử dụng của ngân hàng trước khi bị mua...

Bảy là, quyền lợi, nghĩa vụ của các tổ chức và cá nhân có liên quan khi mua được pháp luật quy định phải bảo đảm được giải quyết triệt để. Khi thực hiện mua MHTM, pháp luật được thiết kế theo hướng trước tiên phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, sau đó mới tính đến quyền lợi của bên thứ ba và quyền lợi của nhà nước. Đa số các quốc gia thường xây dựng một hệ thống các văn bản pháp luật bên cạnh pháp luật về bảo hiểm tiền gửi nhằm mục tiêu hướng đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của các TCTD và bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Tám là, để đảm bảo an toàn hệ thống, đối với các NHTM yếu kém, có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, pháp luật quy định cơ quan quản lý ngân hàng có quyền yêu cầu NHTM đó phải thực hiện tái cơ cấu, buộc sáp nhập, hợp nhất, mua lại. Pháp luật quy định quyền này bởi khi các chủ thể tiến hành hoạt động ngân hàng mà gặp bất ổn, trong khi không có khả năng khắc phục có thể gây ra những phản ứng tiêu cực mang tính dây chuyền, để lại những rủi ro, hậu quả hay tiêu cực to lớn mà nó mang lại cho xã hội và nền kinh tế. Ngoài ra việc pháp luật ghi nhận quyền này cũng nhằm mục đích khi thực hiện mua lại, sáp nhập thì hoạt động ngân hàng cần được an toàn, liên tục, ổn định, không ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền và quyền lợi, nghĩa vụ của bên thứ ba, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, tài chính, tiền tệ quốc gia.

Chín là, ngân hàng sau mua phải tuân thủ những chuẩn mực quốc gia và tiếp cận các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn vốn nhằm nâng cao chất lượng và sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Bên cạnh việc tuân thủ các quy định bắt buộc của NHNN, các NHTM cũng đang rất nỗ lực để hoàn thiện hơn nữa hệ thống quản trị rủi ro của ngân hàng mình cho phù hợp với điều kiện hoạt động.

1.4.2. Những nội dung điều chỉnh của pháp luật về mua ngân hàng thương mại:

Pháp luật về mua doanh nghiệp đã xác định những nội dung điều chỉnh chủ yếu đối với hoạt động mua. Tuy nhiên, đối với loại hình doanh nghiệp là NHTM, khung pháp lý về mua NHTM có thể áp dụng được một số quy định chung như đối với doanh nghiệp nhưng cần có điều chỉnh riêng biệt do những đặc thù của NHTM, của hoạt động mua NHTM. Cũng như pháp luật điều chỉnh mua lại, sáp nhập doanh nghiệp nói chung, pháp luật về mua NHTM được diễn ra trên thực tế và an toàn, đồng thời phải xác định những nội dung điều chỉnh các quan hệ xã hội chủ yếu trong quá trình thực hiện mua. Pháp luật về mua NHTM cũng liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau, do mỗi văn bản luật chi phối hay điều chỉnh các vấn đề khác nhau liên quan đến hoạt động mua. Trên cơ sở lý thuyết chung về mua bán, sáp nhập doanh nghiệp cùng với những đặc thù của NHTM, của hoạt động mua NHTM, pháp luật mua NHTM được xác định bao gồm các nội dung điều chỉnh chủ yếu như sau:

1.4.2.1. Xác định tiêu chuẩn, điều kiện mua:

Tiêu chuẩn thực hiện mua NHTM có liên quan mật thiết đến việc xây dựng tiêu chuẩn ngân hàng hiện đại. Các quốc gia cần xây dựng các tiêu chí về một ngân hàng hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững hướng tới thông lệ tốt nhất như vốn điều lệ thực tối thiểu; điều kiện cần và đủ để thành lập ngân hàng; việc phân loại nợ và chất lượng nợ; tiêu chí về năng lực hoạt động; năng lực cạnh tranh; minh bạch thông tin; kỷ luật thị trường. Thực hiện các tiêu chí này sẽ tạo cơ sở để các ngân hàng hoạt động hiệu quả hơn, có khả năng cạnh tranh tốt và lành mạnh hơn. Điều kiện mua NHTM được coi là rào cản kỹ thuật về mặt pháp lý nhằm chống thâm tóm, chống tập trung kinh tế, không tạo ra sự độc quyền. Với tư cách là một chủ thể trung gian tài chính trong nền kinh tế, điều kiện mua còn nhằm giảm thiểu những rủi ro do hoạt động mua mang lại trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của NHTM, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Pháp luật xác định tiêu chuẩn, điều kiện mua NHTM bao gồm các nội dung sau đây:

Thứ nhất, tiêu chuẩn điều kiện về tập trung kinh tế khi thực hiện mua ngân hàng thương mại

Thứ hai, tiêu chuẩn, điều kiện về an toàn vốn khi thực hiện mua ngân hàng thương mại

Thứ ba, tiêu chuẩn, điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần khi thực hiện mua ngân hàng thương mại.

Thứ tư, tiêu chuẩn, điều kiện về giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, người lao động khi mua ngân hàng thương mại.

1.4.2.2. Xác định trình tự, thủ tục mua ngân hàng thương mại:

Trình tự, thủ tục mua NHTM được xác định là trình tự, thủ tục hành chính để các bên tham gia mua phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Theo đó, trình tự thực hiện mua NHTM được hiểu là thứ tự các bước tiến hành của các bên tham gia mua và cơ quan thực hiện thủ tục mua trong giải quyết mua NHTM của tổ chức, cá nhân. Thủ tục thực hiện mua NHTM được hiểu là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định để giải quyết việc mua NHTM liên quan đến cá nhân, tổ chức. So với những quy định về trình tự, thủ tục áp dụng đối với doanh nghiệp thì trình tự, thủ tục áp dụng đối với NHTM có mức độ phức tạp cao hơn.

1.4.2.3. Xác định hệ quả pháp lý khi mua:

Hệ quả pháp lý khi mua NHTM được xác định qua một số nội dung cụ thể như sau:

Mua NHTM có thể là mua toàn bộ hoặc một phần cổ phần hay tài sản và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp đủ để kiểm soát, chi phối toàn bộ hay một ngành nghề của NHTM bị mua. Khi thực hiện mua lại toàn bộ cổ phần hay tài sản và quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của NHTM bị mua lại trở thành chi nhánh trực thuộc của NHTM mua hoặc sau khi mua có thể bị sáp nhập vào NHTM mua, hoặc NHTM bị mua có thể được chuyển đổi hình thức pháp lý để trở thành công ty trực thuộc bên mua. Kể từ thời điểm chuyển quyền sở hữu là ngày mua có hiệu lực,

được xác định trong văn bản chấp thuận mua lại do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trách nhiệm pháp lý về tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của bên bị mua sẽ do bên mua thực hiện. Về mặt pháp lý, pháp luật quy định NHTM mua sẽ tiếp nhận, kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ pháp lý của NHTM bị mua.

Thời điểm chuyển quyền sở hữu là ngày mua có hiệu lực được xác định trong văn bản chấp thuận mua đối với giao dịch mua do cơ quan quản lý chuyển giao và kế thừa nguyên trạng toàn bộ hoặc một phần tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp, các khoản nợ, nghĩa vụ, trách nhiệm pháp lý của bên bị mua, các báo cáo quản lý, tài chính đã được kiểm toán bắt buộc và được cơ quan quản lý ngân hàng chấp thuận. Ngoài việc nhận chuyển giao và kế thừa nguyên trạng tài sản, các bên mua sẽ tiếp nhận và thực thi quyền sở hữu đối với thương hiệu, hình ảnh, mã chứng khoán và các tài sản trí tuệ khác của bên bị mua kể từ ngày mua. Đối với các tài sản của bên bị mua phải đăng ký hay thực hiện chuyển quyền sở hữu theo quy định, bên mua sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký với tư cách là chủ sở hữu hoặc người có quyền sử dụng (tùy từng trường hợp áp dụng) đối với các tài sản đó. Bên bị mua sẽ bằng hợp đồng ủy quyền cho bên mua thay mặt để ký các văn bản và thực hiện tất cả các hành động cần thiết hoặc bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và pháp luật có liên quan nhằm thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký sở hữu hoặc sử dụng tài sản đó. Và ngày mua, toàn bộ hồ sơ tài liệu liên quan đến quá trình tổ chức và hoạt động của bên bị mua từ khi thành lập đến ngày mua phải được chuyển giao cho bên mua.

Vào ngày mua, cổ đông sáng lập của NHTM bị mua sẽ bị mất quyền cổ đông sáng lập, trở thành cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông, cụ thể là: (1) Không còn quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết trong thời gian luật định kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; được chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết do đã trở thành cổ phiếu phổ thông. (2) Không bị hạn chế quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông trong thời hạn luật định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, (3) Không còn nghĩa vụ phải cùng các cổ đông sáng lập khác đăng ký mua và phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký

mua số cổ phần phổ thông được quyền chào bán theo quy định kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

1.4.2.4. Xác định giải quyết tranh chấp khi mua ngân hàng thương mại:

Pháp luật quy định giải quyết tranh chấp khi thực hiện mua bao gồm các nội dung: xác định nội dung tranh chấp; quy định thời hiệu, thời hạn giải quyết tranh chấp; quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp; quy định phương thức giải quyết tranh chấp.

Mọi tranh chấp phát sinh liên quan đến mua NHTM phải được giải quyết trước hết bằng phương thức thương lượng, hòa giải giữa các bên. Trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải thì tranh chấp có thể được giải quyết tại tòa án trong nước hoặc tại trọng tài theo các thủ tục tố tụng của tòa án, trọng tài. Một giao dịch mua NHTM không có yếu tố nước ngoài thì luật điều chỉnh của giao dịch đó là luật trong nước và cơ quan giải quyết tranh chấp có thể là tòa án hoặc trọng tài, tùy thuộc vào lựa chọn của các bên. Tuy nhiên, pháp luật các quốc gia thường cho phép các bên trong một giao dịch có thể lựa chọn luật nước ngoài là luật điều chỉnh của giao dịch và cơ quan giải quyết tranh chấp có thể là tòa án hoặc trọng tài trong nước hay trọng tài nước ngoài nếu giao dịch có yếu tố nước ngoài. Việc lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp cũng phải được xem xét trên cơ sở của pháp luật từng quốc gia quy định.

Pháp luật Việt Nam quy định giải quyết tranh chấp thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết tại trọng tài hoặc tòa án; thẩm quyền của tòa án các cấp; thẩm quyền của tòa án theo lãnh thổ; thẩm quyền của tòa án theo sự lựa chọn của nguyên đơn ... Những tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua NHTM có tính đặc thù nên đòi hỏi việc giải quyết những tranh chấp này phải đảm bảo các yêu cầu như: (1) Phù hợp với tính chất của quan hệ tranh chấp phát sinh từ hoạt động mua lại NHTM; (2) Bảo đảm tối đa quyền và lợi ích của các bên trong quan hệ tranh chấp; (3) Tạo sự ổn định tâm lý đối với người gửi tiền, tránh bất ổn xã hội, bảo đảm an toàn hệ thống xã hội.

Bên cạnh việc xác định các nội dung điều chỉnh chủ yếu trên, pháp luật về mua NHTM còn điều chỉnh những nội dung khác có liên quan như:

- (1) Xác định nội dung quy định về định giá ngân hàng. Việc xác định đúng, đủ giá trị tài sản (hữu hình và vô hình) giúp bên bán đánh giá đúng giá trị của mình và bên mua cũng nhận thức được tài sản mà mình sẽ sở hữu cũng như giá trị của tài sản này. Vì vậy, pháp luật xác định nguyên tắc, cơ sở định giá tài sản, nội dung định giá, phương pháp định giá NHTM bị mua lại; quy định về tổ chức, hoạt động của tổ chức tư vấn định giá tài sản; quyền, nghĩa vụ pháp lý của chuyên gia tư vấn trong việc định giá tài sản đối với hoạt động mua NHTM.
- (2) Xác định nội dung quy định về thực hiện lãi suất tiền gửi, lãi suất, phí cấp tín dụng khi thực hiện mua NHTM. Sau khi thực hiện mua, nếu không có thỏa thuận khác giữa NHTM và khách hàng, NHTM mua lại phải thực hiện lãi suất, phí cấp tín dụng như quy định trong hợp đồng tiền gửi, hợp đồng cấp tín dụng đối với khách hàng đã được xác lập từ trước kể từ ngày mua có hiệu lực pháp lý.
- (3) Xác định những nội dung quy định về chứng khoán nếu NHTM là doanh nghiệp niêm yết, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu của cá nhân, tổ chức nếu vượt quy định; xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế và đóng mã số thuế; điều chỉnh liên quan đến các quy định của hợp đồng mua; xác định nội dung để quy định trong trường hợp NHTM bị mua lại đang thực hiện hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn...

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

1. Chính bởi những đặc thù của ngân hàng thương mại, của hoạt động mua lại ngân hàng thương mại và vai trò quan trọng của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế nên pháp luật về mua ngân hàng thương mại có những đặc điểm riêng so với pháp luật về mua lại doanh nghiệp thông thường. Khi thực hiện mua ngân hàng thương mại, bên cạnh việc sử dụng khung pháp lý như đối với doanh nghiệp thông thường, pháp luật về mua ngân hàng thương mại còn có những điều chỉnh riêng.

2. Pháp luật về mua ngân hàng thương mại được xác định cần đáp ứng vai trò là điều kiện khung pháp lý để giao dịch mua lại ngân hàng được diễn ra trên thực tế an toàn. Ngoài việc điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình mua lại, pháp luật về mua lại ngân hàng thương mại cũng cần đáp ứng quyền tự do kinh doanh theo quy định của pháp luật; để cơ quan quản lý ngân hàng, các ngân hàng có cơ sở pháp lý khi thực hiện và buộc phải thực hiện trong khung pháp lý đó, kể cả khi có sự can thiệp của nhà nước cũng phải mang tính khách quan, bình đẳng và minh bạch, vì lợi ích chung của nền kinh tế, đồng thời đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống ngân hàng tài chính, tiền tệ quốc gia.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THEO PHÁP LUẬT VIỆT NAM

2.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về mua ngân hàng thương mại:

Khung pháp lý liên quan đến hoạt động mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam được quy định tại nhiều văn bản luật khác nhau như: Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Chứng khoán, Luật các TCTD... Bên cạnh hệ thống các quy định pháp luật Việt Nam, hoạt động mua lại phải tuân theo các thỏa thuận, hiệp ước song phương và đa phương như các cam kết của Việt Nam gia nhập WTO, các quy định trong Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ, các Hiệp định ASEAN... Mỗi văn bản luật trên chi phối hay điều chỉnh các vấn đề khác nhau liên quan đến hoạt động mua ngân hàng thương mại.

2.1.1. Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện mua ngân hàng thương mại:

*) Quy định tiêu chuẩn, điều kiện về vốn, an toàn vốn khi thực hiện mua ngân hàng thương mại:

Luật các TCTD quy định điều kiện cấp Giấy phép đầu tiên đối với ngân hàng là có vốn điều lệ, vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định (điểm a, Khoản 1, Điều 20), theo đó NHTM phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ hoặc vốn được cấp tối thiểu bằng mức vốn pháp định, NHNN quy định cụ thể việc xử lý trường hợp khi giá trị thực của vốn điều lệ của TCTD giảm thấp hơn mức vốn pháp định (điều 19). Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26/01/2011 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22/11/2006 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các TCTD quy định từ năm 2011 yêu cầu vốn pháp định đối với NHTMCP Việt Nam là 3.000 tỷ đồng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là 15 triệu USD. Như vậy, ngân hàng mua sau khi mua phải có mức vốn điều lệ tối thiểu là 3.000 tỷ đồng.

Đối với các quy định về bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, Luật các TCTD quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% hoặc tỷ lệ cao hơn theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ (điểm b, khoản 1, điều 130). Luật giao NHNN quy định cụ thể các tỷ lệ bảo

đảm an toàn quy định tại Khoản 1 Điều này đối với từng loại hình TCTD, chi nhánh ngân hàng nhà nước (khoản 3, điều 130). Trong trường hợp NHTM không đạt hoặc có khả năng không đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 130, NHTM phải báo cáo NHNN giải pháp, kế hoạch khắc phục để bảo đảm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định. NHNN áp dụng các biện pháp cần thiết theo quy định tại điều 149 của Luật các TCTD nhằm bảo đảm để NHTM phải ban hành các quy định nội bộ có nội dung quy định về tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (điểm c, khoản 2, điều 93). Thông tư số 36/2014/TT-NHNN của NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Thông tư quy định TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thường xuyên duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu bao gồm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu riêng lẻ và tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất ở mức 9%. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa vốn tự có và tổng tài sản có đã được điều chỉnh theo hệ số rủi ro.

Quy định tiêu chuẩn, điều kiện mua ngân hàng thương mại không được điều chỉnh trực tiếp bởi Luật các TCTD mà do Thông tư 04/2010/TT-NHNN của NHNN điều chỉnh. Thông tư quy định ngân hàng sau khi mua phải đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật hiện hành. Ngoài ra, ngân hàng sau khi mua còn phải tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động theo quy định. Trên thực tế, việc mua có thể khiến ngân hàng mua lại tăng mức nợ xấu nhưng các tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động phải ở mức theo quy định.

Có thể thấy rằng các quy định của pháp luật hiện hành đã tiếp cận các chuẩn mực về vốn và an toàn vốn quốc tế. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu hợp nhất (CAR) được yêu cầu ở mức 9% trong khi quy định của Basel II chỉ là 8%. Vốn điều lệ của NHTM chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong tổng nguồn vốn của NHTM do nguồn gốc của NHTM phần lớn là tiền gửi của các tổ chức và cá nhân trong nền kinh tế. Việc lựa chọn hệ số CAR theo chuẩn mực Basel áp dụng tại Việt Nam sẽ giảm thiểu rủi ro khi kinh tế xuất hiện những bất ổn, các NHTM có thể gặp những khó khăn hơn so với trong giai đoạn bình thường của nền kinh tế. Việc nâng cao mức

an toàn vốn tương tự như một “tấm đệm” giúp các NHTM chống các biến động từ môi trường kinh doanh. Trên thực tế nhiều NHTM quy mô nhỏ nhưng kinh doanh hiệu quả. Vì thế yêu cầu phải đáp ứng một con số tuyệt đối về vốn điều lệ có thể không còn thích hợp khi NHTM đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định nên vẫn có khả năng tồn tại trong nền kinh tế thị trường.

2.1.2. Quy định về trình tự, thủ tục mua ngân hàng thương mại:

Điều 153, Luật các TCTD quy định TCTD được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Điều kiện, hồ sơ, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại TCTD do NHNN quy định. Theo quy định của Luật các TCTD, Thông tư số 04/2010/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục mua lại, sáp nhập TCTD tại điều 10, điều 18 gồm 5 nội dung chính như sau:

(1) TCTD tham gia mua lại, sáp nhập phối hợp xây dựng đề án mua lại, sáp nhập, hợp đồng mua lại, sáp nhập, điều lệ TCTD nhận sáp nhập và phải được cơ quan có thẩm quyền quyết định của TCTD tham gia sáp nhập thông qua.

(2) TCTD mua lại, tham gia sáp nhập có văn bản thông qua cho cơ quan quản lý cạnh tranh hoặc đề nghị được miễn trừ đối với trường hợp mua lại, sáp nhập bị cấm theo quy định của Luật Cạnh tranh.

(3) Để có thể được chấp thuận nguyên tắc mua lại, sáp nhập, TCTD tham gia mua lại, sáp nhập phối hợp lập 5 bộ hồ sơ để TCTD mua lại, sáp nhập gửi NHNN xem xét, quyết định. Hồ sơ của TCTD được gửi lấy ý kiến của: (i) NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nơi TCTD tham gia mua lại, sáp nhập đặt trụ sở chính; (ii) UBND tỉnh, thành phố nơi TCTD tham gia mua lại, sáp nhập đặt trụ sở chính; (iii) Các Vụ, Cục thuộc NHNN có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến một hoặc một số nội dung trong hồ sơ đề nghị mua lại, sáp nhập. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các đơn vị nêu trên, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc xem xét chấp thuận nguyên tắc hoặc từ chối chấp thuận việc mua lại, sáp nhập TCTD.

(4) Chấp thuận mua lại, sáp nhập: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Thống đốc ký văn bản chấp thuận nguyên tắc đề nghị mua lại, sáp nhập TCTD, TCTD tham gia mua lại, sáp nhập phải: (i) Lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền quyết định của TCTD để thông qua các nội dung thay đổi tại đề án mua lại, sáp nhập và các vấn đề có liên quan khác (nếu có); (ii) Phối hợp lập 2 bộ hồ sơ theo quy định gửi NHNN xem xét chấp thuận. Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, đề xuất ý kiến, trình Thống đốc chấp thuận hoặc từ chối chấp thuận việc mua lại, sáp nhập TCTD.

(5) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Thống đốc có văn bản chấp thuận việc mua lại, sáp nhập TCTD, quyết định chấp thuận sáp nhập có hiệu lực, TCTD mua lại phải hoàn tất các thủ tục về sửa đổi nội dung Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD bị mua lại do chuyển đổi chủ sở hữu, đăng ký kinh doanh, TCTD bị sáp nhập phải hoàn tất các thủ tục rút Giấy phép thành lập và hoạt động, TCTD nhận sáp nhập phải hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh; đăng báo cáo theo quy định và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Để thực hiện theo các trình tự, thủ tục như trên, thẩm quyền quyết định mua NHTM được pháp luật quy định đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trong nội bộ NHTM. Luật NHNN quy định thẩm quyền quyết định việc mua lại, sáp nhập TCTD là Ngân hàng Nhà nước (khoản 9, điều 4). Đối với thẩm quyền quyết định trong nội bộ NHTM, theo Luật các TCTD thì đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của NHTM, có quyền thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, TCTD khác; quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của NHTM; quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể... (khoản 2, điều 59). Với các quy định của pháp luật hiện hành, có thể hiểu trình tự, thủ tục mua NHTM chỉ áp dụng trong trường hợp thực hiện tự nguyện, không có văn bản pháp luật nào quy định trình tự, thủ tục mua NHTM thực hiện trong trường hợp bắt buộc.

2.1.3. Quy định về hệ quả pháp lý khi mua ngân hàng thương mại:

Hệ quả pháp lý khi thực hiện mua ngân hàng thương mại được quy định tại nhiều văn bản tùy thuộc theo hành vi, tính chất của quan hệ mua. Một số hệ quả pháp lý khi thực hiện mua NHTM được ghi nhận như sau:

(1) Quy định về tổ chức hoạt động của NHTM sau khi mua:

Khi thực hiện mua thì một trong những hệ quả pháp lý là xác định tư cách pháp lý của các bên tham gia sau khi mua. Thông tư 04/2010/TT-NHNN đề cập đến hệ quả pháp lý khi mua lại, sáp nhập TCTD, theo đó, khi sáp nhập TCTD bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp từ TCTD bị sáp nhập sang TCTD nhận sáp nhập, TCTD bị sáp nhập chấm dứt sự tồn tại. Sau khi mua lại TCTD, TCTD bị mua lại trở thành công ty thực thuộc của TCTD mua lại (khoản 1,3, điều 4). Những vấn đề về hoạt động mua này sẽ chỉ chi phối và đặt ra những hệ quả pháp lý của các bên khi thực hiện giao dịch mua. Với tính chất pháp lý quan trọng như vậy, quy định về tổ chức hoạt động sau mua đã được pháp luật ghi nhận. Tuy nhiên những quy định về nội dung tổ chức hoạt động sau mua còn chưa cụ thể và rõ ràng trong văn bản pháp luật chuyên ngành. Điều này có thể gây khó khăn cho các bên tham gia mua.

(2) Quy định về quyền chủ nợ của NHTM bị mua đối với các khoản cấp tín dụng, khoản đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu, chứng khoán nợ khác.

Luật các TCTD quy định các nội dung hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác của NHTM tại mục 2, chương IV. NHTM được cấp tín dụng, đầu tư kinh doanh theo các nội dung được cấp trong Giấy phép hoạt động. Khi thực hiện cấp tín dụng, đầu tư theo các loại hình này sẽ phát sinh quyền chủ nợ đối với việc cấp tín dụng và các khoản đầu tư khác.

Về chuyển giao quyền đòi nợ, dưới góc độ của pháp luật về tài sản, quyền đòi nợ là một loại quyền tài sản (điều 115 BLDS 2015) và quyền tài sản lại là một trong bốn loại tài sản theo quy định hiện hành. Như vậy, có thể hiểu quyền đòi nợ tự thân là một loại tài sản. Đối tượng của quyền đòi nợ là khoản tiền sẽ được thanh toán vào một thời điểm nhất định. Theo quy định tại điều 365 (BLDS 2015), bên

có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự có thể chuyển giao quyền yêu cầu đó cho người thế quyền, trừ trường hợp bên có quyền và bên có nghĩa vụ có thỏa thuận không được chuyển giao hoặc pháp luật có quy định. Có nghĩa là, trong giao dịch dân sự, khi phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên có liên quan, thì bên có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự có thể chuyển giao quyền yêu cầu này cho bên thứ ba để thực hiện quyền yêu cầu đó và việc chuyển giao quyền yêu cầu này cũng không cần có sự đồng ý của bên có nghĩa vụ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

Căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành, quy định về quyền chủ nợ của NHTM bị mua đổi với các khoản cấp tín dụng, khoản đầu tư vào trái phiếu, tín phiếu, chứng khoán nợ khác đã có cơ sở pháp lý để NHTM mua thực hiện.

(3) Quyền cổ đông, chủ sở hữu của NHTM bị mua lại đối với các góp vốn, mua cổ phần:

Luật các TCTD quy định về việc góp vốn, mua cổ phần đối với NHTM, luật quy định NHTM, công ty con của NHTM được mua, nắm giữ cổ phiếu của TCTD khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN (khoản 6, điều 103). Như vậy, khi một NHTM góp vốn, mua cổ phần đối với NHTM khác theo quy định sẽ phát sinh quyền của cổ đông, quyền của thành viên góp vốn đối với NHTM này. Các quyền này được pháp luật ghi nhận như quyền được nhận cổ tức, chuyển nhượng phần vốn góp, tham gia quản trị, điều hành... Luật các TCTD ghi nhận việc này và quy định tại điều 53 về quyền của cổ đông phổ thông, điều 56 về chào bán và chuyển nhượng cổ phần ... Tuy nhiên Luật không quy định cụ thể đến quyền này khi TCTD bị mua lại mà chỉ có Thông tư 04/2010/TT-NHNN quy định một cách chung nhất về việc chuyển giao tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp từ TCTD bị mua lại sang TCTD mua lại.

Với các quy định như trên, có thể hiểu NHTM mua sẽ có các quyền cổ đông, thành viên góp vốn của NHTM bị mua đổi với các khoản góp vốn, mua cổ phần của NHTM này trước khi bị mua. Kể từ thời điểm ngày mua có hiệu lực được cơ quan quản lý ngân hàng chấp thuận, quyền cổ đông, thành viên góp vốn của

NHTM bị mua đổi với các khoản góp vốn, mua cổ phần được chuyển sang NHTM mua.

(4) Quyền sở hữu đối với các tài sản của NHTM bị mua:

Tài sản do NHTM là chủ sở hữu có nhiều loại, trong đó có loại chuyển giao được ngay, có loại chuyển giao được những phải đăng ký quyền sở hữu, có loại không thể chuyển giao được đầy đủ và có loại không thể chuyển giao. Đối với loại tài sản có thể chuyển giao quyền sở hữu được ngay như tiền, giấy tờ có giá, thiết bị không phải đăng ký quyền sở hữu... Loại tài sản chuyển giao được nhưng phải đăng ký quyền sở hữu như bất động sản, ô tô, xe máy và những tài sản khác mà pháp luật yêu cầu phải chuyển quyền sở hữu. Loại tài sản này có thể chuyển giao được nhưng không chuyển giao được đầy đủ như quyền tác giả, theo đó quyền nhân thân không thể chuyển giao và được bảo hộ vô thời hạn. Loại tài sản không thể chuyển giao như tài sản đã được bảo hộ và chủ sở hữu tài sản không từ bỏ quyền bảo hộ. Kể từ thời điểm ngày mua lại có hiệu lực được cơ quan quản lý ngân hàng chấp thuận, quyền sở hữu đối với các tài sản của NHTM bị mua lại mà pháp luật không quy định phải đăng ký quyền sở hữu được chuyển sang NHTM mua lại.

Tương tự như việc quy định về quyền chủ nợ của NHTM bị mua đổi với các khoản cấp tín dụng, khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng khoán nợ khác được chuyển sang cho NHTM mua, quyền sở hữu đối với các tài sản của NHTM bị mua (trụ sở, bất động sản...) không được Luật các TCTD quy định cụ thể mà quy định tại một số văn bản pháp luật khác liên quan. Qua việc phân tích những quy định về quyền sở hữu đối với các tài sản của NHTM bị mua nhận thấy rằng, khi tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu thì thời điểm được tính từ ngày chuyển quyền sở hữu do cơ quan có thẩm quyền quyết định có hiệu lực. Điều này cũng đặt ra rủi ro về tài sản trong thời gian thực hiện đăng ký quyền sở hữu nếu tài sản này bị đem đi thế chấp. Chính vì vậy pháp luật về mua NHTM cần ghi nhận để có điều chỉnh kịp thời.

(5) Các nghĩa vụ đối với khoản vay, tiền gửi dưới mọi hình thức của NHTM bị mua:

Đặc thù của hoạt động ngân hàng là huy động vốn tiền gửi và cấp tín dụng, nên ngân hàng vừa là chủ nợ, vừa là bên có nghĩa vụ trả nợ. NHTM nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác (điều 98, Luật các TCTD). NHTM được vay vốn của NHNN, vay vốn của TCTD, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật (điều 99,100 Luật các TCTD). Như vậy, đối với NHTM trước khi bị mua sẽ phải thực hiện các nghĩa vụ nợ đối với các khoản vay, tiền gửi dưới mọi hình thức theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người cho vay, người gửi tiền theo thỏa thuận. Căn cứ theo quy định của Thông tư 04/2010/TT-NHNN thì các nghĩa vụ này sẽ được chuyển sang cho NHTM mua kể từ ngày mua có hiệu lực pháp lý. NHTM mua sẽ có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ này theo cam kết trước đây đối với người cho vay và người gửi tiền.

Như đã trình bày, việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng là rất quan trọng, nếu không ý thức được vấn đề này thì rủi ro của ngân hàng kéo theo hệ lụy cho người gửi tiền có thể làm rối loạn trật tự an toàn xã hội. Theo quy định của Luật bảo hiểm tiền gửi, người gửi tiền ở tất cả các ngân hàng, hoặc TCTD đều phải tham gia bảo hiểm tiền gửi. Khi một ngân hàng nào đó nộp đơn xin phá sản thì khách hàng gửi tiền tại ngân hàng đó đều được bảo hiểm tiền gửi chi trả cho người gửi tiền 50 triệu đồng, số còn lại cùng với lãi của ngân hàng sẽ được giải quyết theo Luật phá sản. Đối với trường hợp ngân hàng giải thể, không thể tiếp tục hoạt động, ngân hàng sẽ phải thực hiện mọi nghĩa vụ cho khách hàng trước khi giải thể. Còn trong trường hợp ngân hàng sẽ được một ngân hàng khác mua thì ngân hàng trong tương lai sẽ tiếp quản, giải quyết các quyền và nghĩa vụ của ngân hàng cũ. NHNN Việt Nam cũng từng khẳng định, trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, mục tiêu hàng đầu là phải bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Qua những quy định hiện hành cùng với việc phân tích trên đây, việc bảo vệ người gửi tiền đã được pháp luật ghi nhận và trên thực tế còn nhận được sự cam

kết chính trị đối với việc đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên với mức độ quan trọng của quan hệ tiền gửi thì pháp luật bảo vệ người gửi tiền không chỉ riêng có quy định về bảo hiểm tiền gửi, còn thiếu những quy định cụ thể để giải quyết vấn đề này; mức bảo hiểm tiền gửi còn chưa đáp ứng được yêu cầu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, những quyết tâm chính trị đã đặt ra trong quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng nhưng vấn đề này cần được quy định bằng pháp luật.

2.1.4. Quy định về giải quyết tranh chấp khi mua ngân hàng thương mại

- Về xác định nội dung tranh chấp:

Khi mua NHTM, nhiều tranh chấp có thể phát sinh trong quá trình thực hiện. Các tranh chấp đó có thể là: Tranh chấp giữa NHTM với các thành viên của NHTM; giữa các thành viên của NHTM với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của NHTM; tranh chấp liên quan đến việc chuyển giao tài sản, tài chính; phân vốn góp, phân chia lợi nhuận, nghĩa vụ chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp; tranh chấp về lao động khi thực hiện mua NHTM; tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ khi thực hiện mua NHTM...

- Về quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) quy định những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nơi có tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty. Tùy từng trường hợp cụ thể để xác định đó là tranh chấp về dân sự hay tranh chấp về lao động, thẩm quyền giải quyết tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty thuộc Tòa án kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

BLTTDS 2015 quy định về những tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, đó là: (1) Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động mà Hội đồng hòa giải lao động cơ sở, hòa giải viên lao động của cơ quan quản lý nhà nước về lao động quận (huyện), thị xã, thành phố thuộc tỉnh hòa giải không thành hoặc không giải quyết trong thời hạn do pháp luật quy định; (2) Tranh chấp lao động giữa tập thể lao động với người sử dụng lao động đã được Hội đồng trọng tài lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết mà tập thể lao động hoặc người sử dụng lao động không đồng ý với quyết định của Hội đồng trọng tài lao động, bao gồm về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác; về thực hiện thỏa ước lao động tập thể; về quyền thành lập, gia nhập, hoạt động công đoàn; Các tranh chấp khác về lao động mà pháp luật có quy định (điều 32).

Các quy định về xác định loại tranh chấp về sở hữu trí tuệ và thẩm quyền giải quyết của tòa án như sau: Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ là những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án (BLTTDS 2015). Các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận là những tranh chấp về kinh doanh thương mại (BLTTDS 2015).

- Về quy định thời hiệu, thời hạn giải quyết tranh chấp:

BLDS (2015) quy định thời hiệu là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự, được miễn trừ nghĩa vụ dân sự hoặc mất quyền khởi kiện vụ án dân sự, quyền yêu cầu giải quyết việc dân sự (điều 149). Theo đó, các loại thời hiệu được quy định bao gồm: (1) Thời hiệu hưởng quyền dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì chủ thể được hưởng quyền dân sự; (2) Thời hiệu miễn trừ nghĩa vụ dân sự là thời hạn mà khi kết thúc thời hạn đó thì người có nghĩa vụ dân sự được miễn việc thực hiện nghĩa vụ; (3) Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà chủ thể được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện; (4) Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc

dân sự là thời hạn mà chủ thể được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc dân sự để bảo vệ quyền lợi của nhà nước; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền yêu cầu (khoản 4, điều 150); Cách tính thời hiệu được tính từ thời điểm bắt đầu ngày đầu tiên của thời hiệu và chấm dứt tại thời điểm kết thúc ngày cuối cùng của thời hiệu (điều 151).

Để bắt đầu thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được BLDS (2015) quy định như sau: (1) Thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự được tính từ ngày quyền, lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; (2) Thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự được tính từ ngày phát sinh quyền yêu cầu, trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu khác (điều 154). BLTTDS (2015) quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự là 2 năm, kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức, lợi ích công cộng, lợi ích của nhà nước bị xâm phạm; thời hiệu yêu cầu để tòa án giải quyết việc dân sự là 1 năm, kể từ ngày phát sinh yêu cầu (điều 184). Quy định về thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan vẫn còn hiệu lực theo quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ để giải quyết tranh chấp là: Thời hạn bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan được quy định tại BLDS 2015.

- Về quy định phương thức giải quyết tranh chấp:

Luật thương mại quy định về hình thức giải quyết tranh chấp trong thương mại, theo đó có các hình thức giải quyết là: (1) Thương lượng giữa các bên; (2) Hòa giải giữa các bên do một cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân được các bên thỏa thuận chọn làm trung gian hòa giải; (3) Giải quyết tại trọng tài hoặc tòa án. Thủ tục giải quyết tranh chấp trong thương mại tại trọng tài, tòa án được tiến hành theo các thủ tục tố tụng của trọng tài, tòa án do pháp luật quy định (điều 317). Luật Đầu tư quy định tranh chấp liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Trường hợp không thương lượng, hòa giải được thì tranh chấp được giải quyết tại trọng tài hoặc tòa án (điều 14).

Pháp luật quy định một số các tranh chấp sau đây không nhất thiết phải qua hòa giải tại cơ sở: Xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; bồi thường thiệt hại giữa người lao động và người sử dụng lao động; trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động; bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về lao động...(BLTTDS 2015).

2.1.5. Đánh giá quy định pháp luật về mua ngân hàng thương mại:

Pháp luật về mua NHTM tuy mới hình thành trong thời gian gần đây nhưng đã đặt nền móng để điều chỉnh hoạt động mua NHTM ở Việt Nam. Những văn bản pháp luật được ban hành có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến mua NHTM. Pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam đã được từng bước hoàn thiện, phục vụ cho việc tái cơ cấu nền kinh tế, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng. Các quy định của pháp luật hiện hành đã giúp NHTM chủ động thực hiện mua phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của ngân hàng, đồng thời có cơ sở pháp lý để tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, can thiệp, xử lý các NHTM yếu kém thông qua buộc mua lại nhằm tránh đổ vỡ hệ thống ngân hàng

Bên cạnh những thành công mang lại, pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam còn có một số tồn tại, hạn chế:

Một là, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động mua lại nói chung còn thiếu và chưa cụ thể:

Một trong những vấn đề gây nhiều vướng mắc cho hoạt động mua ngân hàng thương mại tại Việt Nam là thiếu một khung pháp lý chuẩn là cơ sở xác lập giao dịch, địa vị của bên mua, bên bán, hậu quả pháp lý sau khi kết thúc giao dịch. Theo vào đó, mục tiêu điều chỉnh hoạt động mua bán và sáp nhập doanh nghiệp trong các văn bản quy phạm pháp luật khác nhau cũng không giống nhau. NHNN đã ban hành Thông tư số 04/2010/TT-NHNN ngày 11/02/2010 hướng dẫn hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại tổ chức tín dụng. Đến nay, Thông tư 04/2010 đã bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập. Đặc biệt, chưa có quy định cụ thể nào hướng dẫn ngân hàng xử lý các giao dịch của người gửi và người vay sau khi mua được tiến hành, mà vẫn đảm bảo quyền lợi của các bên có liên quan.

Trở ngại đối với hoạt động mua nói chung và trong lĩnh vực NHTM ở Việt Nam hiện nay là khung pháp lý còn chưa đầy đủ và khó thực hiện. Các quy định liên quan đến hoạt động mua được quy định rải rác trong nhiều văn bản khác nhau. Việc quy định phân tán và chưa cụ thể đã làm cho các doanh nghiệp khó thực hiện mua lại. Còn nhiều quy định pháp luật mới chỉ dừng lại ở việc xác lập về mặt hình thức, trong khi còn thiếu những quy định về mặt nội dung. Nhiều vấn đề liên quan trực tiếp đến mua, nhất là trong trường hợp thực hiện bắt buộc còn chưa có quy định cụ thể hoặc còn thiếu như tiêu chuẩn, điều kiện; trình tự, thủ tục; hệ quả pháp lý; giải quyết tranh chấp ... khi mua. Các Luật Doanh nghiệp, Đầu tư, Cạnh tranh, Chứng khoán... đề cập đến mua doanh nghiệp nhưng chưa đề cập đến một loại hình doanh nghiệp đặc biệt là NHTM. Luật các TCTD chưa điều chỉnh cụ thể đến hoạt động mua NHTM mà chỉ gọi chung là tổ chức lại TCTD dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý.

Hình thức pháp lý quy định về tổ chức lại doanh nghiệp trong các văn bản pháp luật còn chưa thống nhất, trong đó Luật doanh nghiệp chưa đề cập đến mua như là một trong những hình thức pháp lý để tổ chức lại doanh nghiệp. Khái niệm tập trung kinh tế, thị trường liên quan trong Luật cạnh tranh chưa thật rõ ràng để hạn chế bất lợi của mua doanh nghiệp và ngân hàng. Luật Cạnh tranh cấm các hoạt động mua lại có thể dẫn tới việc một doanh nghiệp có mức tập trung kinh tế lớn hơn 50% thị trường liên quan, tuy nhiên Luật và các văn bản hướng dẫn không quy định rõ về thị trường liên quan. Trong trường hợp NHTM kinh doanh nhiều mặt hàng thì tùy theo các cách tính khác nhau có thể dẫn đến kết quả là ngân hàng có thể bị coi là tập trung kinh tế trên hoặc dưới 50%.

Khung pháp lý điều chỉnh hoạt động mua NHTM còn nhiều bất cập.

- Văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh trực tiếp hoạt động mua có nhiều hạn chế:

Mua NHTM không đơn giản như một sản phẩm hàng hóa thông thường. Một thương vụ mua có thành công hay không phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Hiện nay, các văn bản pháp lý thực sự để điều chỉnh hoạt động mua NHTM ở Việt Nam

còn rất ít, hầu hết còn rất chung chung, mơ hồ và bộc lộ nhiều khó khăn, vướng mắc cho các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài khi tiến hành hoạt động mua NHTM tại Việt Nam.

Pháp luật về mua ngân hàng ở Việt Nam được quy định về điều chỉnh bởi nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau nên gặp khó khăn khi thực hiện, một số quy định chưa theo kịp thực tiễn đang diễn ra nhanh chóng, chưa điều chỉnh kịp thời các quan hệ xã hội phát sinh. Một số văn bản pháp luật đề cập đến hoạt động mua nhưng khái niệm về hoạt động mua từ một góc độ khác nhau theo chức năng của ngành luật, trong từng trường hợp cụ thể thì áp dụng luật nào cũng là vấn đề đặt ra cần quan tâm.

Các luật ban hành có liên quan điều chỉnh chủ yếu về hoạt động mua đối với doanh nghiệp, chưa đề cập đến trường hợp doanh nghiệp đặc biệt là ngân hàng. Luật các TCTD là văn bản pháp lý cao nhất của ngành ngân hàng điều chỉnh đối với các TCTD chưa quy định cụ thể về hoạt động mua, chỉ gọi chung là tổ chức lại TCTD dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý nhưng không có quy định cụ thể. Điều chỉnh trực tiếp hoạt động mua ngân hàng hiện tại là Thông tư 04/2010/TT-NHNN. Các quy định điều chỉnh việc mua ngân hàng chủ yếu hướng tới việc khuyến khích các ngân hàng tự nguyện sáp nhập, hợp nhất, quy định những ngân hàng yếu kém phải bị buộc mua lại còn chưa đủ mức chế tài.

Thông tư 04/2010/TT-NHNN là văn bản quy phạm pháp luật chuyên biệt do NHNN ban hành điều chỉnh trực tiếp hoạt động sáp nhập, hợp nhất, mua lại TCTD. Thông tư quy định các trình tự, thủ tục, điều kiện, hồ sơ sáp nhập, mua lại, hợp nhất...Tuy nhiên các nội dung điều chỉnh chủ yếu chưa được quy định hoặc quy định chưa đầy đủ như tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục; hệ quả pháp lý và giải quyết tranh chấp khi thực hiện mua NHTM. Theo quy định của Luật các TCTD, NHNN có quyền góp vốn, mua cổ phần bắt buộc của TCTD bị kiểm soát đặc biệt hoặc yêu cầu các TCTD sáp nhập, hợp nhất bắt buộc nhằm bảo đảm an toàn hệ

thống TCTD. Tuy nhiên, Thông tư 04/2010/TT-NHNN còn thiếu những nội dung quy định trong trường hợp nhà nước mua lại bắt buộc NHTM yếu kém.

Theo quy định tại khoản 1, điều 153 của Luật các TCTD, tổ chức lại TCTD không bao gồm hoạt động mua, có quy định tổ chức lại dưới hình thức chuyển đổi hình thức pháp lý. Thông tư 36/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của NHNN quy định việc tổ chức lại TCTD, quy định phạm vi điều chỉnh không bao gồm mua, bổ sung nội dung về chuyển đổi hình thức pháp lý. Những nội dung bổ sung, sửa đổi của Thông tư số 36/2015/TT-NHNN cũng chưa quy định các nội dung có liên quan đến mua lại trong trường hợp thực hiện bắt buộc. Những nội dung điều chỉnh về mua TCTD trong Thông tư 04/2010/TT-NHNN vẫn còn hiệu lực thi hành, điều này dẫn đến việc đã có văn bản pháp luật điều chỉnh nhưng còn chung chung và khó áp dụng, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho các NHTM tham gia, thực hiện.

- Trình tự, thủ tục mua NHTM còn phức tạp, rườm rà:

Theo quy định hiện hành, trình tự, thủ tục mua lại TCTD còn phức tạp và phải được phép của nhiều cơ quan. Những quy định như vậy sẽ mất nhiều thời gian, công sức, kinh phí của các ngân hàng, tạo nên rào cản khi thực hiện mua. Thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh còn nặng về tính hành chính và tạo ra những thủ tục rườm rà. Kinh nghiệm của một số nước cho thấy việc bắt buộc phải thông báo đối với tất cả các giao dịch mua lại sẽ tạo ra những thủ tục chồng chéo và không cần thiết cho cả chủ thể mua lại và cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh. Pháp luật về kiểm soát tập trung kinh tế ở các nước phát triển đều ghi nhận việc không cần thiết phải rà soát một cách hệ thống và thông qua tất cả các thương vụ mua lại. Yêu cầu thông báo về mọi thương vụ mua lại sẽ tạo ra gánh nặng không đáng có cho cơ quan quản lý, làm phát sinh các khoản chi phí không phù hợp và làm chậm quá trình mua ngân hàng thương mại

Hai là, tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam còn hạn chế:

Hiện tại, hoạt động mua lại NHTM ở Việt Nam đối với nhà đầu tư nước ngoài mới chỉ dừng ở việc mua cổ phiếu của ngân hàng hay mua phần vốn góp

theo quy định của pháp luật. Theo quy định hiện hành, các nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sở hữu một số lượng cổ phần hạn chế của doanh nghiệp trong nước: Đối với doanh nghiệp chưa niêm yết: tối đa 30% vốn điều lệ; đối với doanh nghiệp niêm yết: tối đa 49% vốn điều lệ (nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014; đối với NHTM: tối đa không quá 30% trong đó đối tác chiến lược nước ngoài nắm không quá 20% vốn điều lệ của ngân hàng (nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014). Với tỷ lệ sở hữu cổ phần như hiện tại, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ khó khăn trong việc quản lý cũng như tạo động lực để gắn bó lâu dài với NHTM ở Việt Nam. Điều quan trọng hơn là trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam rất cần có nguồn lực, kinh nghiệm của các ngân hàng nước ngoài khi thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, nhất là đối với các NHTM yếu kém, vừa đảm bảo mục tiêu giữ được an toàn hệ thống ngân hàng, kiểm soát được hoạt động tài chính, ngân hàng của đất nước nhưng tận dụng được nguồn lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, còn có một số vấn đề khác cần bổ sung, hoàn thiện như quy định về công bố thông tin ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt cùng với những số liệu thực trạng của ngân hàng khi bị kiểm soát đặc biệt, để thấy rằng việc ngân hàng bị kiểm soát đặc biệt có thể dẫn đến việc bị mua lại bắt buộc bởi nhà nước là mang tính khách quan, bình đẳng và minh bạch, vì lợi ích chung của nền kinh tế. Quy định về trường hợp NHTM tham gia cấp tín dụng hợp vốn thực hiện mua lại tự nguyện hoặc bắt buộc khi hợp đồng cấp tín dụng còn hiệu lực chưa cụ thể. Chưa có văn bản pháp luật quy định về quy trình tiếp nhận, xử lý các TCTD yếu kém ... Những vấn đề trên cần được nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi để hoạt động mua ngân hàng thương mại có thể được kiểm soát chặt chẽ và đầy đủ hơn

2.2. Thực tiễn thực hiện việc mua ngân hàng thương mại:

Lịch sử hệ thống NHTM Việt Nam đã trải qua nhiều mốc thời gian. Hoạt động mua ngân hàng bắt nguồn từ những yếu kém nội tại của bản thân các ngân hàng và phương hướng, chủ trương chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đề đạt các mục tiêu đề ra. Hoạt động mua NHTM giai đoạn 2005 trở về

trước diễn ra dưới hai hình thức chủ yếu là sáp nhập và hợp nhất. Nhiều NHTM cổ phần nông thôn với quy mô vốn nhỏ đã được M&A như NHTM cổ phần Phương Nam đã M&A hàng loạt các NHTM khác như NHTM cổ phần nông thôn Đồng Tháp, Châu Phú, Đại Nam, Cái Sắn; NHTM cổ phần Đông Á tiến hành M&A NHTM cổ phần tứ giác Long Xuyên; Sacombank M&A Ngân hàng Thạnh Thắng; NHTM cổ phần Phương Đông M&A với NHTM cổ phần nông thôn Tây Đô...

Từ năm 2005 đến nay, việc sáp nhập ngân hàng trong nước đã ít đi, thay vào đó là hoạt động đầu tư góp vốn, mua lại cổ phần của các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với các NHTM nội địa, thông qua đó trở thành đối tác chiến lược của các ngân hàng đó. Nói cách khác, việc bán cổ phần cho các đối tác chiến lược, nhất là các đối tác nước ngoài ngày càng phổ biến trong hoạt động của các NHTM Việt Nam kể từ khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) với nhiều cam kết về mở rộng thị trường tài chính, ngân hàng.

Việc các ngân hàng, tập đoàn tài chính nước ngoài mở rộng hoạt động tại thị trường Việt Nam thông qua việc sở hữu vốn cổ phần của các NHTM trong nước đã mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên trong quá trình hợp tác cũng như cạnh tranh. Các NHTM Việt Nam đã nâng cao được năng lực tài chính, hiện đại hoá được công nghệ, nâng cao chất lượng quản trị, nguồn nhân lực, mở rộng phạm vi kinh doanh. Đối với các ngân hàng và tập đoàn tài chính nước ngoài đã không tốn kém chi phí mở chi nhánh mới, có sẵn mạng lưới hoạt động, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và hơn cả là số lượng khách hàng sẵn có tại các NHTM Việt Nam.

Với những hoạt động mua giữa các ngân hàng trong nước, thực chất đây là việc sở hữu cổ phần chéo của các NHTM trong nước. Với sự kết hợp này, các ngân hàng trong nước cũng hỗ trợ cho nhau về nhiều mặt trong quá trình phát triển trước thời kỳ hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

2.2.1. Một số trường hợp thực hiện mua ngân hàng thương mại:

STT	Năm	Tên ngân hàng	NH/đơn vị mua lại	Hình thức
1	2001	NHTMCO Nông thôn Tứ Giác Long Xuyên	Ngân hàng Đông Á	Mua lại
2	2005	Sacombank	ANZ	Mua lại 10% vốn
3	2007	Ngân hàng Đông Á	Citigroup Inc	Mua lại 10% vốn
4	2007	Eximbank	Sumitomo Mitsui Bank	Mua lại 15% vốn
5	2007	Habubank	Deutsche Bank	Mua lại 20% vốn
6	2008	Techcombank	HSBC	Mua lại 20% vốn
7	2008	Seabank	France's Societe General	Mua lại 15% vốn
8	2008	ACB	Standard Chartered Bank	Mua lại 15% vốn
9	2008	NHTMCP Phương Nam	United Overseas Bank	Mua lại 15% vốn
10	2008	VP Bank	OCBC Singapore	Mua lại 15% vốn
11	2009	Oceanbank	BNP Parisbas	Mua lại 20% vốn

12	2009	AnBinhBank	Maybank	Mua lại 20% vốn
13	2010	VIB	Ngân hàng Commonwealth of Australia	Mua lại 15% vốn
14	2011	Vietinbank	IFC	Mua lại 10% vốn
15	2015	NHTMCP Dầu khí toàn cầu (GP Bank)	NHTM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	NHNN mua lại với giá 0 đồng
16	2015	VNBC	NHTM TNHH MTV Nhà nước 100% vốn	Mua lại 0 đồng
17	2015	Ocean Bank	NHTM TNHH MTV Nhà nước 100% vốn	Mua lại 0 đồng

Bảng 1. Thống kê các vụ mua ngân hàng thương mại

2.2.1.1. Trường hợp NHNN mua lại bắt buộc VNCB:

Trong quá trình hoạt động, một số NHTM đã được NHNN phân loại thuộc nhóm ngân hàng yếu kém cần phải tái cơ cấu, xử lý trong đó có VNCB. Trong quá trình hoạt động của VNCD đã bộc lộ nhiều yếu kém, việc quản trị, điều tra ngân hàng vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật. VNCB có nợ xấu rất, nguy cơ mất vốn rất lớn, đã âm vốn chủ sở hữu. Trước tình hình đó, đã kiểm soát rủi ro,

giảm thiểu tổn thất tài sản của ngân hàng. NHNN đã quyết định đặt VNCB vào tình trạng kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông của các ngân hàng này được tổ chức nhưng không thông qua được kế hoạch tăng vốn điều lệ để đảm bảo mức vốn pháp định theo quy định. Để xử lý dứt điểm các vấn đề của VNCB, Thống đốc NHNN đã ban hành Quyết định số 249/QĐ-NHNN ngày 05/03/2015 về việc mua toàn bộ cổ phần và chuyển đổi VNCB thành công ty TNHH một thành viên với tên gọi là NHTM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CBBank).

Sau khi mua lại bắt buộc và chuyển đổi mô hình, vốn điều lệ của CBBank được NHNN công bố là 3.000 tỷ đồng – mức tối thiểu theo quy định hiện hành. Theo đó, mức vốn điều lệ 7.500 tỷ đồng mà VNCB tăng lên từ 3.000 tỷ đồng từ ngày 26/12/2013 không còn tồn tại. Mức 3.000 tỷ đồng được công bố là mức vốn điều lệ mới, sau khi NHNN trở thành chủ sở hữu và cấp vốn.

NHNN tiến hành hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của VNCB, CBBank như thực hiện đăng lý kinh doanh. Chuyển đổi hình thức pháp lý, đăng ký quyền sở hữu tài sản, sở hữu trí tuệ hay các thủ tục liên quan đến chứng khoán niêm yết.

***) Hệ quả khi mua lại bắt buộc NHTM:**

Qua nghiên cứu trường hợp của VNCB, nếu để VNCB phá sản, người dân mất tiền sẽ gây ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, kinh tế, xã hội. Vì thế NHNN mua lại bắt buộc ngân hàng này để củng cố, phục hồi lại hoạt động của ngân hàng, những trước tiên và quan trọng nhất đó là nhằm mục tiêu có tiền chi trả cho người gửi tiền, đồng thời các quyền và lợi ích hợp pháp khác của người gửi tiền tại VNCB sẽ tiếp tục được đảm bảo theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, khi NHNN thực hiện mua lại bắt buộc đối với VNCB, có một số hệ quả pháp lý đặt ra:

- NHNN trở thành chủ sở hữu 100% vốn điều lệ của VNCB, còn các cổ đông hiện hữu của ngân hàng bị chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích và tư cách cổ đông. Tại thời điểm NHNN mua lại bắt buộc toàn bộ cổ phần của VNCB thì cổ đông của VNCB đã bị chấm dứt toàn bộ quyền, lợi ích và tư cách cổ đông. Người

vay tiền của ngân hàng vẫn phải có nghĩa vụ trả đầy đủ nợ vay. Người gửi tiền tại ngân hàng vẫn được bảo đảm chi trả toàn bộ số tiền gửi, gồm cả gốc và lãi.

- Trước khi bị mua lại bắt buộc, VNCB là NHTM trong nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần. Với hình thức pháp lý sau khi mua lại, VNCB phải tuân thủ các quy định của pháp luật về việc chuyển đổi hình thức pháp lý từ công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên. Do đó NHTM quốc doanh này sẽ hoạt động theo quy định của Luật TCTD đối với hình thức của TCTD là NHTM nhà nước được thành lập, tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Kể từ ngày Quyết định mua lại bắt buộc có hiệu lực pháp luật, CB Bank có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật; điều chỉnh cơ cấu, tổ chức bảo đảm phù hợp với Luật các TCTD và các quy định của pháp luật có liên quan; đăng ký doanh nghiệp và đăng ký lại quyền sở hữu tài sản đối với CB Bank theo quy định của pháp luật; thực hiện các điều chỉnh, thay đổi khác cho phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan.

- Kể từ ngày mua lại có hiệu lực pháp luật, CBBank có trách nhiệm kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của VNCB, đó là: (1) Quyền chủ nợ của VNCB đối với các khoản cấp tín dụng, khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng khoán nợ khác được chuyển sang cho CBBank; (2) Quyền cổ đông, chủ sở hữu của VNCB đối với các khoản góp vốn, mua cổ phần được chuyển sang CBBank; (3) Quyền sở hữu đối với các tài sản của VNCB được chuyển sang CBBank; (4) Các nghĩa vụ nợ đối với các khoản vay, tiền gửi dưới mọi hình thức của VNCB cũng được chuyển sang CBBank, quyền của người gửi tiền tại VNCB được bảo đảm; (5) Các quyền và nghĩa vụ khác theo hợp đồng/thỏa thuận của VNCB được chuyển giao sang CBBank.

2.2.1.2. Trường hợp UOB mua lại Citigroup tại Việt Nam:

Ngày 1/3/2023, Ngân hàng UOB (Singapore) đã thông báo hoàn tất thu mua mảng ngân hàng tiêu dùng của Citigroup tại Việt Nam, mảng ngân hàng tiêu dùng

của Citigroup bao gồm các danh mục như cho vay tín chấp và có bảo đảm, các mảng kinh doanh quản lý tài sản và ngân hàng bán lẻ tiền gửi.

UOB và Citigroup công bố thương vụ lần đầu vào tháng 1/2022 như một phần của thỏa thuận chuyển nhượng mảng kinh doanh ngân hàng bán lẻ tại cả bốn thị trường Malaysia, Thái Lan, Việt Nam và Indonesia. Với việc bổ sung mảng kinh doanh bán lẻ thu mua từ Citigroup tại thị trường Malaysia và Thái Lan, lượng khách hàng bán lẻ của UOB đạt gần 7 triệu người trên toàn khu vực ASEAN. Cùng với mạng lưới rộng khắp trong khu vực sẵn có của UOB, việc sáp nhập sẽ đẩy nhanh quá trình phát triển vươn lên trở thành một ngân hàng hàng đầu được người tiêu dùng và doanh nghiệp tại ASEAN lựa chọn.

UOB sẽ thanh toán cho Citigroup giá trị tài sản ròng của các đơn vị được mua lại, cộng với một khoản khác trị giá 690 triệu USD. UOB cho biết, mảng bán lẻ của Citigroup có tổng giá trị ròng khoảng 4 tỷ đô la Singapore (tương đương 2,97 tỷ USD) và số khách hàng hiện có khoảng 2,4 triệu người tính đến ngày 30/6/2021. Giao dịch mua lại dự kiến sẽ được thanh toán từ nguồn thặng dư vốn của UOB, do đó ước tính sẽ làm giảm 70 điểm cơ bản (0,7%) mức vốn cấp 1 của UOB xuống còn 12,8%. Tuy vậy, UOB vẫn cho rằng tác động của thương vụ mua lại đến vốn cấp 1 không quá nghiêm trọng và sẽ vẫn nằm trong ngưỡng quy định. UOB tin tưởng vào tiềm năng lâu dài của thị trường Đông Nam Á và làm việc có nguyên tắc, chọn lọc và kiên nhẫn tìm kiếm các cơ hội phù hợp để phát triển. Khoảng 5.000 nhân viên giao dịch ngân hàng và nhân viên hỗ trợ của Citigroup tại Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Việt Nam dự kiến sẽ được chuyển giao cho UOB khi thỏa thuận kết thúc. Giao dịch mua lại, cùng với nhượng quyền thương mại trong khu vực của UOB sẽ hợp lực mạnh mẽ giúp mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh của UOB và nâng cao vị thế của một ngân hàng hàng đầu khu vực.

Ngân hàng UOB Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ với Citigroup Việt Nam để đảm bảo một quá trình chuyển giao diễn ra liền mạch cho khách hàng, dự kiến sẽ mất từ 12-18 tháng khi Ngân hàng tiến tới việc tích hợp hoàn toàn về hệ thống.

Trong giai đoạn chuyển giao này, các sản phẩm, dịch vụ cũng như lợi ích cho các khách hàng tiêu dùng của Citigroup tại Việt Nam vẫn được đảm bảo.

Bên cạnh đó, các khách hàng cũng có thể đón chờ một loạt các giải pháp và ưu đãi từ việc mở rộng hoạt động kinh doanh của UOB. Các khách hàng hiện tại của ngân hàng UOB Việt Nam cũng sẽ được hưởng lợi từ bộ sản phẩm tín chấp được mở rộng, bao gồm thẻ tín dụng và khoản vay cá nhân không thế chấp, bổ sung vào các giải pháp cho vay hiện tại của UOB.

2.2.2. Đánh giá thực tiễn thực hiện mua ngân hàng thương mại:

Với những kết quả thực hiện tái cấu trúc hệ thống ngân hàng trong thời gian vừa qua cho thấy, hệ thống NHTM nước ta đã giữ được sự ổn định trong quá trình tái cơ cấu, ổn định kinh tế vĩ mô, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, các kết quả của quá trình này còn chưa tương xứng với mục tiêu và kỳ vọng phát triển của nền kinh tế. Nguyên nhân chủ yếu là do còn thiếu một cách tiếp cận tổng hợp để xử lý tổng thể các vấn đề của tái cơ cấu hệ thống NHTM, đặc biệt là còn thiếu một khung khổ pháp lý mang tính hệ thống để tái cơ cấu NHTM trong bối cảnh tái cơ cấu nền kinh tế.

Một là, việc công bố thông tin khi NHNN buộc mua lại NHTM yếu kém còn chưa kịp thời, không đầy đủ và liên tục đã gây ra những tranh luận không cần thiết đối với xã hội. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng bởi nó cho thấy sự can thiệp của nhà nước đối với các ngân hàng yếu kém là mang tính khách quan, bình đẳng và minh bạch.

Hai là, chưa có căn cứ pháp lý cụ thể rõ ràng để Nhà nước được quyền mua lại NHTM hạn chế, yếu kém như đã thực hiện với VNCB với giá 0 đồng. Qua nghiên cứu các quy định của pháp luật, thấy rằng đã có căn cứ pháp lý để NHNN có quyền mua lại đối với NHTM được kiểm soát đặc biệt nếu chủ sở hữu không có khả năng hoặc không thực hiện tăng vốn (điều 149, Luật các TCTD; Quyết định số 48/2013/QĐ-TTg ngày 01/08/2013 của Thủ tướng Chính phủ). Do đó, NHNN sẽ thực hiện quyền yêu cầu các chủ sở hữu phải chấp nhận kết quả kiểm toán độc lập và chuyển nhượng bắt buộc đối với toàn bộ cổ phần của mình tại NHTM đó.

Ba là, các trường hợp mua tự nguyện đều thực hiện theo lộ trình tái cơ cấu ngân hàng của NHNN và định hướng phát triển của NHTM. Các bên tham gia mua đã chủ động xây dựng chiến lược kinh doanh, báo cáo đại hội đồng cổ đông. Phương án mua lại của các NHTM được cơ quan quản lý ngân hàng chấp thuận. Các NHTM sau khi mua đều hoạt động có hiệu quả, theo đúng lộ trình đề ra của đề án mua lại được phê duyệt. Việc vận dụng pháp luật về mua NHTM bước đầu được đáp ứng được yêu cầu để thực hiện tái cơ cấu ngân hàng, tuy rằng một số quy định pháp lý còn thiếu, chưa đồng bộ và chặt chẽ.

Bốn là, các trường hợp mua lại theo hình thức tự nguyện cơ bản đều tuân thủ quy định về nguyên tắc mua lại; các hình thức mua lại; báo cáo mua lại; điều kiện để được mua lại; trình tự, thủ tục mua lại; hồ sơ đề nghị mua lại; đề án mua lại theo quy định hiện hành về việc mua lại TCTD. Do việc chuẩn bị kỹ lưỡng, quá trình tư vấn pháp lý, thẩm định pháp lý được chú trọng đã giúp hoạt động mua lại diễn ra thuận lợi và cũng là điều kiện để thương vụ mua lại NHTM được công nhận tính hợp pháp và hợp lệ.

Có thể thấy rằng, quyết định của NHNN đã thực hiện mua lại bắt buộc đối với trường hợp VNCB với giá 0 đồng đã dựa trên căn cứ pháp luật, là cần thiết để tránh nguy cơ đổ vỡ hệ thống ngân hàng; bảo đảm giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đồng thời có tác dụng hữu hiệu trong việc chặn đứng các tình trạng bất tuân thủ các yêu cầu, điều kiện bảo đảm an toàn đối với hoạt động ngân hàng. Tuy nhiên còn chưa có căn cứ pháp lý rõ ràng để Nhà nước được quyền mua lại NHTM yếu kém như đã phân tích thông qua trường hợp của VNCB. Do đó cần tiếp tục rà soát hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc này.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

1. Pháp luật về mua ngân hàng thương mại đã được hình thành trong thời gian gần đây, có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội liên quan đến mua ngân hàng thương mại. Các quy định của pháp luật hiện hành đã giúp các ngân hàng thương mại chủ động thực hiện mua phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của ngân hàng, tạo cơ sở pháp lý để nhà nước ổn định kinh tế vĩ mô, quản lý hoạt động ngân hàng, đồng thời có cơ sở pháp lý để tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

2. Bên cạnh những thành công mang lại, pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam còn có một số tồn tại, hạn chế như khung pháp lý về mua đối với doanh nghiệp nói chung còn thiếu, chưa cụ thể, chồng chéo và mâu thuẫn, khung pháp lý điều chỉnh hoạt động mua đối với ngân hàng thương mại còn nhiều bất cập; còn có những khoảng trống pháp lý để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong thực tiễn khi thực hiện mua; chưa tạo được cơ sở pháp lý vững chắc để thúc đẩy hoạt động này. Trên thực tế đã có nhiều bất cập khi thực hiện mua thời gian qua, trong đó có nhiều vấn đề liên quan đến cơ chế pháp lý cần giải quyết.

CHƯƠNG 3. CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

3.1. Phương hướng chung hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại:

Có thể thấy rằng, hành lang pháp luật của Việt Nam về hoạt động mua đối với doanh nghiệp nói chung và trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng còn tồn tại nhiều bất cập.

Xây dựng tập trung và có hệ thống đối với quy định của pháp luật về mua ngân hàng với: (1) Hoạt động mua lại, sáp nhập và hợp nhất; (2) Đầu tư mua cổ phần để trở thành cổ đông chiến lược trong Luật Các tổ chức tín dụng với tư cách là đạo luật điều chỉnh chuyên ngành, theo đó cần có các định nghĩa, khái niệm, hình thức, điều kiện, quy trình và hợp đồng mua ngân hàng cụ thể. Đồng thời, với tư cách là một hình thức tập trung kinh tế bị điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật cạnh tranh. Các quy định về mua ngân hàng cần phải phù hợp, đáp ứng các điều kiện về kiểm soát cạnh tranh không lành mạnh, về thị phần, thị trường liên quan... để tránh việc độc quyền, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh trên thị trường ngân hàng. Hiện nay, các đạo luật về đầu tư, các cam kết của Việt Nam về đầu tư cũng đã xác nhận hoạt động mua ngân hàng là một hình thức đầu tư, tuy nhiên quy định này mới chỉ xác định nó với tư cách là một hình thức đầu tư trực tiếp và còn rất sơ sài về yêu cầu, điều kiện, trình tự, thủ tục đầu tư này trong lĩnh vực ngân hàng, trong khi đó Luật Chứng khoán coi hoạt động góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư đối với các ngân hàng trên thị trường chứng khoán là một hình thức đầu tư gián tiếp...Ngoài ra, các vấn đề pháp lý khác cũng rất đáng được quan tâm như định giá tài sản, thương hiệu, thuế, giải quyết lao động sau khi mua...cũng cần phải được làm rõ trong quá trình hoàn thiện các chính sách, cơ chế hoạt động mua ngân hàng.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam:

Các nội dung phân tích trong đề tài cho thấy, ngân hàng là một loại hình doanh nghiệp, vì vậy ngân hàng cũng bị điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật về hoạt động mua NHTM xuất phát từ việc xem xét hành vi mua NHTM dưới mỗi góc độ khác nhau thì hoạt động mua NHTM sẽ chịu sự điều chỉnh của pháp luật phù hợp với các quan hệ xã hội tương ứng. Ngoài việc sử dụng khung pháp lý như đối với các doanh nghiệp thông thường khi thực hiện mua NHTM, pháp luật về mua NHTM còn có những điều chỉnh riêng biệt do những đặc thù của NHTM và hoạt động mua NHTM. Căn cứ vào thực trạng pháp luật, các giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua NHTM ở Việt Nam bao gồm những giải pháp cụ thể như sau:

3.2.1. Sửa đổi các quy định về mua ngân hàng thương mại trong một số văn bản luật:

3.2.1.1. Sửa đổi, bổ sung hình thức pháp lý về hoạt động mua để thống nhất giữa các luật điều chỉnh:

Xây dựng khung pháp lý về hoạt động mua NHTM cần chuyên biệt, rõ ràng và đầy đủ. Ngân hàng là một loại doanh nghiệp đặc biệt có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế. Với tầm quan trọng như vậy, quy định về hoạt động mua cần được quy định nguyên tắc trong Luật các TCTD, để từ đó các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý thấp hơn sẽ quy định chi tiết. Hiến pháp năm 2013 đã quy định, mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm và quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định trong trường hợp cần thiết. Kinh doanh hoạt động ngân hàng không bị pháp luật cấm nhưng có điều kiện chặt chẽ. Vì thế, nếu quy định hạn chế quyền kinh doanh của các chủ thể trong lĩnh vực ngân hàng cần được quy định bởi luật. Trong xu hướng xây dựng pháp luật hiện nay, đòi hỏi luật phải được xây dựng càng cụ thể càng tốt, để các quy định của luật có thể thi hành ngay được. Tuy nhiên hoạt động mua NHTM đòi hỏi sự điều chỉnh của nhiều ngành luật với mức độ phức tạp cao, có nhiều mối quan hệ xã hội phát sinh, biến động liên tục khi thực hiện mua

cần phải điều chỉnh kịp thời, phù hợp, do đó cần quy định nguyên tắc trong luật, để từ đó các văn bản hướng dẫn có cơ sở pháp lý để ban hành.

Để đáp ứng yêu cầu về tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, các quy phạm pháp luật về hoạt động mua phải phù hợp với nội dung và tinh thần của Hiến pháp; các quy phạm pháp luật do cơ quan cấp dưới ban hành phải phù hợp với văn bản, quy phạm do chính cơ quan mình đã ban hành trước đó; các quy phạm pháp luật trong một văn bản quy phạm pháp luật phải thống nhất với nhau; văn bản pháp luật, các quy phạm pháp luật phải phù hợp với các điều ước, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Pháp luật về mua NHTM phải rõ ràng, thông suốt, đúng đắn. Các quy phạm pháp luật phải mang tính hệ thống, nhất quán, chặt chẽ, tránh trùng lặp và mâu thuẫn. Pháp luật về mua NHTM phải tạo ra hành lang pháp lý bình đẳng cho các chủ thể để có thể tham gia vào các quan hệ pháp lý khi thực hiện mua, đồng thời pháp luật phải có tính khả thi, duy trì niềm tin của nhà đầu tư, tạo được niềm tin đối với người dân và xã hội... Để đáp ứng yêu cầu về tính minh bạch thì quy phạm pháp luật về mua cần phải nhất quán, công khai, dễ tiếp cận, phải tin cậy được, phải lường trước và có thể dự đoán trước được. Pháp luật về mua NHTM cần đáp ứng yêu cầu về hiệu quả để có thể thực hiện với những chi phí thấp, mang lại nhiều lợi ích cho xã hội. Pháp luật được ban hành kịp thời, đầy đủ, đồng bộ, phù hợp với các quy luật khách quan và phù hợp với các điều kiện kinh tế, xã hội; phải xem xét mức độ chi phí cụ thể, nhất là trong trường hợp cần có sự can thiệp của nhà nước nhằm đạt được các kết quả thực tế

3.2.1.2. Sửa đổi, bổ sung các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục, hệ quả pháp lý và giải quyết tranh chấp khi thực hiện mua:

Sửa đổi, bổ sung trong Luật các TCTD và các văn bản pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả pháp lý khi mua và giải quyết tranh chấp khi mua NHTM. Đồng thời quy định việc chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi thực hiện mua lại NHTM;

giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ hợp pháp của các bên liên quan, trong đó quyền của người gửi tiền làm cơ sở ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện.

Tạo ra khung pháp lý để nhà nước, các chủ thể ngân hàng và các bên liên quan có căn cứ thực hiện, đồng thời buộc phải thực hiện trong khung pháp lý đó trên cơ sở các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả pháp lý khi mua; giải quyết tranh chấp khi mua và các nội dung khác có liên quan. Pháp luật phải đáp ứng vai trò là điều kiện khung pháp lý để thương vụ mua NHTM được diễn ra trên thực tế an toàn.

Luật các TCTD với tư cách là luật chuyên ngành, theo đó cần có các định nghĩa, khái niệm, quy định những nội dung điều chỉnh chủ yếu về mua NHTM. Trong văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động mua, cần bổ sung đầy đủ quy định về nội dung đối với các vấn đề liên quan trực tiếp đến mua NHTM như tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả pháp lý khi mua và giải quyết tranh chấp khi mua bao gồm cả trường hợp thực hiện tự nguyện và bắt buộc của nhà nước.

3.2.1.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về cơ sở pháp lý cho việc Nhà nước được quyền mua lại bắt buộc NHTM yếu kém:

Nhằm bảo đảm quyền kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước trong việc mua bắt buộc các Tổ chức tín dụng yếu kém, pháp luật liên quan đến hoạt động mua ngân hàng thương mại cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng quy định thêm trường hợp mua bắt buộc, có sự giám sát của NHNN, thể hiện được quyền lực của Ngân hàng Nhà nước với vai trò là cơ quan quản lý chuyên ngành vừa là một bên tham gia vào quá trình mua bắt buộc đối với các TCTD yếu kém.

Để bảo đảm chắc chắn và rõ ràng về cơ sở pháp lý cho việc Nhà nước được quyền mua lại bắt buộc NHTM yếu kém, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật các TCTD quy định rõ ràng, cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục và biện pháp mua lại bắt buộc, hoặc sửa Luật trung mua, trung dụng theo hướng cho phép nhận chuyển nhượng bắt buộc phần vốn góp hoặc cổ phần, cổ phiếu của các TCTD trong các trường hợp cần thiết. Ngoài ra xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số

48/2013/QĐ-TTg ngày 01/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc góp vốn, mua cổ phần bắt buộc của TCTD được kiểm soát đặc biệt, theo đó ngoài việc cho phép NHNN trực tiếp góp vốn và mua cổ phần của các TCTD, còn phải cho phép việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp của các thành viên công ty TNHH và mua bán cổ phiếu, nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông công ty cổ phần mới bảo đảm thống nhất quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các TCTD và Luật chứng khoán.

Các nội dung về tiêu chuẩn, điều kiện mua NHTM phải được quy định rõ ràng để cơ quan quản lý ngân hàng, các chủ thể tham gia mua ngân hàng thực hiện thống nhất, minh bạch, nhằm đảm bảo việc can thiệp của NHNN trong việc mua bắt buộc các NHTM yếu kém là có cơ sở pháp lý, đúng pháp luật, loại bỏ sự can thiệp của nhà nước đối với ngân hàng thông qua các quyết định, mệnh lệnh hành chính; đảm bảo rằng việc can thiệp của nhà nước trong các tình huống khác nhau sẽ không vi phạm các quy định pháp luật đã ban hành trước đây. Điều này có ý nghĩa rất quan trọng bởi nó cho thấy sự can thiệp của nhà nước đối với các ngân hàng yếu kém là mang tính khách quan, bình đẳng và minh bạch, vì lợi ích chung của nền kinh tế, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, tài chính, tiền tệ quốc gia.

3.2.2. Hoàn thiện Thông tư điều chỉnh hoạt động mua lại, sáp nhập Tổ chức tín dụng:

Hoạt động mua NHTM nói riêng và TCTD nói chung là một hoạt động rất phức tạp, có đặc thù cao, liên quan mật thiết đến tình hình kinh tế, xã hội. Trên cơ sở quy định nguyên tắc của Luật các TCTD, Nghị định quy định chi tiết Luật doanh nghiệp có nội dung về tổ chức lại doanh nghiệp, Thông tư điều chỉnh hoạt động mua lại, sáp nhập TCTD sẽ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật, Nghị định khi thực hiện mua lại NHTM. Thông tư 04/2014/TT-NHNN và thông tư số 36/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của NHNN quy định việc tổ chức lại TCTD cần hoàn thiện theo hướng bổ sung quy định các nội dung điều chỉnh chủ yếu như: (1) Quy định tiêu chuẩn, điều kiện mua NHTM. (2) Quy định trình tự, thủ tục mua NHTM. (3) Quy định hệ quả pháp lý khi thực hiện mua NHTM. (4) Quy

định việc giải quyết tranh chấp khi thực hiện mua NHTM, các nội dung này cần được quy định cụ thể trong trường hợp thực hiện tự nguyện và bắt buộc.

Quy định về trình tự, thủ tục mua NHTM theo hướng gọn nhẹ, tránh phức tạp, rườm rà. Các quy định về thủ tục pháp lý khi thực hiện mua phải thông thoáng hơn, tránh những thủ tục hành chính gây phí thời gian và chi phí thực hiện, cụ thể là: Đối với trường hợp mua ngân hàng với quy mô nhỏ thì thủ tục cần đơn giản. Khi đó, hồ sơ mua có thể trình trực tiếp lên NHNN, NHNN sẽ cho ý kiến dựa trên cơ sở đánh giá trực tiếp của Chi nhánh NHNN ở địa phương. Như vậy sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian và các chi phí phát sinh, góp phần thúc đẩy hoạt động mua ngân hàng thương mại. Đối với các ngân hàng có quy mô lớn, ảnh hưởng nhiều đến hệ thống ngân hàng cũng như các vấn đề về kinh tế, xã hội thì trình tự thủ tục có thể sẽ phức tạp hơn nhằm giảm thiểu các rủi ro. Khi đó hồ sơ mua lại được gửi đến UBND tỉnh, thành phố và Chi nhánh NHNN ở địa phương cho ý kiến, sau đó mới trình lên NHNN. Không nhất thiết mọi trường hợp mua NHTM đều phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh mà căn cứ vào thị phần với những nội dung cụ thể để phân loại thương vụ mua lại. Với những thương vụ có mức độ tập trung cao hoặc cần quyết định cho hưởng miễn trừ mới phải thông báo. Trường hợp không cần các văn bản này, ngân hàng mua phải có văn bản trình bày lý do và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực của báo cáo về việc ngân hàng mua không vi phạm quy định của luật cạnh tranh về tập trung kinh tế.

Thông tư quy định rõ về nội dung để xác định những hệ quả pháp lý khi thực hiện mua, trong đó quy định rõ về tổ chức hoạt động của NHTM sau khi mua theo hình thức là NHTMCP hay NHTM Nhà nước; hình thức, cách thức thực hiện mua bắt buộc là mua lại cổ phiếu hay tài sản, thương lượng, chào mua công khai cổ phiếu trên thị trường chứng khoán; cơ sở pháp lý để mua bắt buộc NHTM từ ngân hàng hay từ cổ đông; định giá ngân hàng theo giá trị tài sản thực, định giá theo dòng tiền chiết khấu hay định giá theo giá trị thị trường; xử lý hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn khi NHTM đang bị triển khai mua sẽ do NHTM mua tiếp tục thực hiện; chuyển quyền sở hữu đối với bất động sản, chuyển giao quyền đòi nợ từ NHTM bị mua sang NHTM mua.

3.2.3. Quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các ngân hàng thương mại trong nước, đặc biệt khi xử lý ngân hàng thương mại yếu kém phục vụ mục tiêu tái cơ cấu ngân hàng:

Cần nâng tỷ lệ sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại các NHTM Việt Nam để trở thành nhà đầu tư nói chung và nhà đầu tư chiến lược tại các NHTM Việt Nam. Đặc biệt, cần nhấn mạnh việc xem xét, cho phép nhà đầu tư nước ngoài mua lại với các TCTD yếu kém của Việt Nam và tiến tới tăng giới hạn sở hữu cổ phần của họ tại các ngân hàng được cơ cấu lại. Trong bối cảnh hiện nay, Việt Nam đang rất cần bổ sung một nguồn vốn ngoại cho hệ thống ngân hàng, nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của Basel III. Thực tế, có nhiều TCTD nước ngoài đã mua cổ phần của NHTM Việt Nam với tỷ lệ sở hữu từ 15%-20% vốn điều lệ và trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài của NHTM Việt Nam. Tuy nhiên, do tỷ lệ sở hữu cổ phần chiếm tỷ lệ thấp so với phần còn lại, nên tiếng nói của người đại diện do nhà nước đầu tư nước ngoài cử tham gia Hội đồng quản trị hoặc Ban điều hành không gây được ảnh hưởng lớn để nâng cao năng lực quản trị, điều hành của NHTM Việt Nam. Do đó, hiệu quả kinh doanh ở một số TCTD Việt Nam có cổ đông chiến lược nước ngoài đã không mang lại kết quả như mong đợi.

Pháp luật về mua NHTM phải tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho hoạt động mua và tổ chức lại doanh nghiệp. Hoàn thiện pháp luật về hoạt động mua trong lĩnh vực ngân hàng cần tạo ra hành lang pháp lý để thu hút vốn từ nhà đầu tư nước ngoài thông qua hoạt động mua tổ chức lại ngân hàng. Việc nhà nước mua lại hoặc đầu tư vào vốn cổ phần của các ngân hàng yếu kém là một trong những giải pháp tạm thời cuối cùng đối với các NHTM không có khả năng khắc phục hoặc tái cơ cấu. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy hầu hết các nước công nghiệp phát triển đều phải thực hiện nghĩa vụ này. Tuy nhiên, việc mua lại hoặc đầu tư của nhà nước chỉ mang tính tạm thời, phần lớn nhà nước sẽ bán lại cổ phần cho các nhà đầu tư khác sau khi tiến hành các biện pháp nhằm khôi phục hoạt động của các ngân hàng này. Trong một số trường hợp, sau khi rà soát và xác định nhóm các ngân hàng yếu kém, nhà nước có thể tiến hành kêu gọi các nhà đầu tư bên ngoài đồng tài trợ hay góp vốn cùng nhà nước để khôi phục hoạt động của các ngân hàng yếu kém.

Nguồn vốn này có thể được trích ra từ các quỹ đặc biệt của nhà nước để tái cấu trúc hệ thống ngân hàng, do đó cần tạo quy định pháp lý để có thể huy động được nguồn lực trong việc tái cấu trúc ngân hàng.

Bên cạnh đó là việc cần giữ vững ổn định kinh tế, xã hội và đảm bảo việc quản lý, kiểm soát hiệu quả của nhà nước, đồng thời tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, phát huy tính cạnh tranh của các thành phần kinh tế.

3.2.4. Quy định chặt chẽ về công bố thông tin khi mua ngân hàng thương mại:

Pháp luật đã có quy định về việc công bố thông tin của tổ chức niêm yết, thông tin công bố của NHNN, TCTD... Tuy nhiên trên thực tế, việc công bố thông tin còn nhiều hạn chế và không kịp thời nhất là trong giai đoạn gần đây NHNN thực hiện mua lại bắt buộc một số NHTM yếu kém. Do đó việc công bố thông tin này phải được quy định về nguyên tắc trong luật và quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ. Điều này có ý nghĩa quan trọng, buộc các bên phải chấp hành đúng quy định về công bố thông tin, đảm bảo cho các bên liên quan, người dân hiểu rằng pháp luật đang được thực hiện một cách công khai, minh bạch, không vụ lợi. Khoản 4, điều 8, Thông tư 04/2010/TT-NHNN yêu cầu hợp đồng mua lại phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Thống đốc NHNN chấp thuận nguyên tắc. Song đối với các NHTM thì yêu cầu này khó thực hiện trên thực tế vì chủ nợ của một ngân hàng có thể là đến hàng chục nghìn cá nhân, tổ chức ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, hợp đồng mua lại có thể có điều khoản ràng buộc về nghĩa vụ bảo mật thông tin giữa các bên, nên không nhất thiết phải công bố toàn bộ nội dung hợp đồng qua lại bằng cách sao chụp để gửi cho các chủ nợ. Điều này làm phát sinh các chi phí không cần thiết, tốn nhiều thời gian, làm ảnh hưởng đến lợi ích của người lao động, các cổ đông và không phù hợp với thực tế. Vì vậy bổ sung, sửa đổi quy định này theo hướng chỉ cần công bố một số thông tin cơ bản của giao dịch trên Cổng thông tin điện tử của NHNN, trang thông tin chính thức của NHTM, đồng thời hợp đồng mua chỉ cần được gửi đến các chủ nợ lớn.

Quy định về công bố thông tin cần đáp ứng được yêu cầu thực tế, nguyện vọng chính đáng các chủ nợ, tổ chức, cá nhân có quan hệ dân sự, kinh doanh, thương mại với ngân hàng tham gia mua lại như giá trị giao dịch, giá mua, thời hạn dự kiến hoàn thành giao dịch, vốn chủ sở hữu được một công ty kiểm toán xác nhận tại thời điểm có quyết định chấp thuận nguyên tắc, quyết định chấp thuận chính thức của Thống đốc NHNN.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

1. Khi hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay cần đảm bảo nguyên tắc không xảy ra đổ vỡ, mất an toàn hệ thống ngân hàng, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia; đáp ứng yêu cầu về tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch và hiệu quả trong hệ thống pháp luật, phù hợp với những cam kết quốc tế quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia là thành viên; tạo môi trường thuận lợi, ổn định cho hoạt động mua và tổ chức lại doanh nghiệp; đồng thời khung pháp lý về mua ngân hàng thương mại cần được xây dựng chuyên biệt, vừa mang tính áp dụng thực tiễn, vừa có tính dữ liệu cao. Để đảm bảo sự chặt chẽ và mang tính khách quan, pháp luật cần bổ sung việc quy định một cơ quan giám sát độc lập quá trình mua ngân hàng thương mại bên cạnh chức năng thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật được đề xuất, kiến nghị bao gồm những nội dung cụ thể pháp luật về mua doanh nghiệp nói chung và trong lĩnh vực ngân hàng thương mại, các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay. Các giải pháp này có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, gắn với đổi mới tư duy hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam hiện nay. Thông qua phương hướng và các giải pháp đề xuất, kiến nghị sẽ giúp hoàn thiện pháp luật về mua ngân hàng thương mại, giúp các ngân hàng phát triển an toàn, hiệu quả, vững chắc sau khi mua, đồng thời đáp ứng quyền tự do kinh doanh của các chủ thể sở hữu ngân hàng theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn mới, yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, góp phần trong quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

KẾT LUẬN

Thứ nhất, ngân hàng thương mại có những đặc điểm riêng biệt so với các doanh nghiệp thông thường. Ngân hàng thương mại mặc dù có bản chất là doanh nghiệp nhưng việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại ngân hàng chịu sự điều chỉnh trực tiếp của pháp luật về ngân hàng. Việc nghiên cứu để phát hiện chính xác và đầy đủ các đặc thù của ngân hàng thương mại sẽ giúp xây dựng được một cơ chế pháp lý hiệu quả để giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện mua ngân hàng thương mại.

Thứ hai, việc mua ngân hàng thương mại chịu sự điều chỉnh của nhiều quy định pháp luật khác nhau, thể hiện sự đa dạng của pháp luật điều chỉnh dưới từng khía cạnh, góc độ, phù hợp với bản chất quan hệ của pháp luật cần điều chỉnh. Với những đặc thù của ngân hàng thương mại, của hoạt động mua ngân hàng thương mại, nên ngoài việc sử dụng khung pháp lý như đối với các doanh nghiệp thông thường khi thực hiện mua ngân hàng thương mại, pháp luật về mua ngân hàng thương mại có những điều chỉnh riêng so với các loại hình doanh nghiệp khác.

Thứ ba, những nội dung điều chỉnh của pháp luật về mua ngân hàng thương mại được xác định bao gồm: tiêu chuẩn, điều kiện mua; trình tự, thủ tục mua; hệ quả pháp lý khi mua và giải quyết tranh chấp khi mua. Ngoài ra, còn có nhiều quan hệ xã hội khác phát sinh khi thực hiện mua ngân hàng thương mại cần phải có pháp luật điều chỉnh.

Thứ tư, pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam liên quan đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nhau. Luật các tổ chức tín dụng là luật chuyên ngành điều chỉnh trực tiếp đến việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại ngân hàng thương mại, đồng thời được đặt trong mối quan hệ với các luật khác khi các giải quyết các vấn đề liên quan đến việc mua ngân hàng thương mại.

Thứ năm, bên cạnh những thành công mang lại, pháp luật về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam còn có một số tồn tại, hạn chế như khung pháp lý còn thiếu, chưa cụ thể và chặt chẽ, còn có những khoảng trống pháp lý để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh khi thực hiện mua; chưa tạo được cơ sở pháp lý vững

chắc để thúc đẩy hoạt động này. Trong quá trình thực hiện mua ngân hàng thương mại thời gian qua, đã có nhiều bất cập nảy sinh, trong đó có những vấn đề liên quan đến cơ chế pháp lý cần phải giải quyết.

Thứ sáu, điều chỉnh pháp lý về mua ngân hàng thương mại bao gồm nhiều nội dung. Trên cơ sở một số vấn đề cốt lõi về phương diện pháp lý đã được nghiên cứu theo hướng tiếp cận của đề tài, còn có nhiều vấn đề pháp lý khác cần được tiếp tục nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực này như: định giá ngân hàng; thực hiện lãi suất tiền gửi, lãi suất, phí cấp tín dụng; hợp đồng mua; hợp đồng cấp tín dụng hợp vốn; mức độ tương tích của các chính sách, pháp lý về mua ngân hàng thương mại ở Việt Nam so với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, trong các Hiệp định thương mại tự do và các điều ước quốc tế liên quan; những nguy cơ, rủi ro về mặt pháp lý để thực hiện mua NHTM.

Thứ bảy, để nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật đối với việc thành lập, hoạt động và tổ chức lại ngân hàng thương mại nói chung và việc mua ngân hàng thương mại nói riêng cần phải hoàn thiện đồng bộ các đạo luật có liên quan; Các giải pháp cụ thể hoàn thiện pháp luật cần đảm bảo nguyên tắc không để xảy ra đổ vỡ và mất an toàn hệ thống ngân hàng, tài chính, tiền tệ quốc gia, đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô. Pháp luật cần bổ sung việc quy định một cơ quan giám sát độc lập quá trình mua ngân hàng thương mại để đảm bảo sự chặt chẽ và tính khách quan khi thực hiện.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt:

- [1] Phạm Minh Sơn (2015), “Đặc trưng và nguyên tắc pháp lý của hoạt động mua lại và sáp nhập ngân hàng thương mại”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 2 (275).
- [2] Trần Thị Bảo Ánh (2014), Pháp luật về mua bán doanh nghiệp ở Việt Nam, luận án tiến sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thường Lạng, Nguyễn Thị Quỳnh Thư (2008), Một số vấn đề về sáp nhập, mua lại doanh nghiệp và tình hình Việt Nam”, Tạp chí Ngân hàng, số 15.
- [4] Cao Đình Lành (2012), Xung đột lợi ích của cổ đông thiểu số trong hoạt động mua bán, sáp nhập công ty cổ phần, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8.
- [5] Bùi Thanh Lam (2010), Hành lang pháp lý liên quan đến sáp nhập và thu gom ngân hàng ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 11.
- [6] Phan Diên Vỹ (2013), Sáp nhập, hợp nhất và mua bán ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam, luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh.

Danh mục các Website tham khảo:

- [7] <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-ve-phap-luat-sap-nhap-ngan-hang-thuong-mai-co-phan-o-viet-nam-80088.htm>
- [8] <https://tuoitre.vn/citibank-hoan-tat-chuyen-nhuong-mang-ban-le-tai-viet-nam-cho-uob-20230301190401072.htm>
- [9] <https://vneconomy.vn/uob-hoan-tat-viec-mua-lai-mang-tieu-dung-cua-citigroup-tai-viet-nam.htm>